# The University of Southern Mississippi Center for Oral History and Cultural Heritage

## Deepwater Horizon Oil Disaster–Gulf Coast Fisheries Oral History Project

An Oral History

with

Tuan Tran

Interviewer: Linda VanZandt Interpreter: Angel Truong Phan

> Volume 1043 2011

This project was funded by a grant from the U.S. Department of Commerce, National Oceanographic and Atmospheric Administration through Mississippi State University-Northern Gulf Institute, Grant Number NA06OAR4320264. Louis M. Kyriakoudes, Principal Investigator.

### The University of Southern Mississippi

This transcription of an oral history by The Center for Oral History and Cultural Heritage of The University of Southern Mississippi may not be reproduced or published in any form except that quotation of short excerpts of unrestricted transcripts and the associated tape recordings is permissible providing written consent is obtained from The Center for Oral History and Cultural Heritage. When literary rights have been retained by the interviewee, written permission to use the material must be obtained from both the interviewee and The Center for Oral History and Cultural Heritage.

This oral history is a transcript of a taped conversation. The transcript was edited and punctuation added for readability and clarity. People who are interviewed may review the transcript before publication and are allowed to delete comments they made and to correct factual errors. Additions to the original text are shown in brackets []. Minor deletions are not noted. Original tapes and transcripts are on deposit in the McCain Library and Archives on the campus of The University of Southern Mississippi.



Louis Kyriakoudes, Director
The Center for Oral History and Cultural Heritage
118 College Drive #5175
The University of Southern Mississippi
Hattiesburg, MS 39406-0001
601-266-4574

An Oral History with Tuan Tran, Volume 1043

Interviewer: Linda VanZandt Interpreter: Angel Truong Phan

Transcriber: Ha Do

Editors: Angel Truong Phan, Linda VanZandt

### Biography

Mr. Tuan Tran was born on July 28, 1963, one of seven children, in Nha Trang, South Vietnam. Mr. Tran's father died in battle, serving in the Army of the Republic of Vietnam, when Mr. Tran was twelve years of age. Upon his father's death, Mr. Tran quit school to help his mother make a living to support selling produce and other goods in the market. In 1986 Mr. Tran was out fishing when he made a sudden decision to escape Vietnam when approached by others who were escaping. After a treacherous journey of fifteen days, he arrived in the Philippines where he stayed for one year before landing in Austin, Minnesota.

In 1988 Mr. Tran moved to Biloxi and began working for a family on their boat in Louisiana waters. He saved enough money to purchase his own boat, *Sweet Mary*, in 1993. At the time of the interview, Mr. Tran was living on his boat but finding little shrimp in the Mississippi Sound after the Deepwater Horizon oil disaster of 2010. He supports his wife, Thao Phan; son, Quoc Huy Tran; and daughter, Thanh Nga Tran, all of whom still live in Vietnam. His son is a fisherman in Vietnam.

### Table of Contents

Personal history	1
Life in Nha Trang, South Vietnam, before 19753	, 11
Death of father	4, 8
Working at fourteen to support family of origin	6
Flight from Vietnam to Palawan, Philippines, 19866, 22	2, 25
Communists prohibited education for children of ARVN personnel	
Learning to read	10
Wife, children	13
Son is a fisherman in Vietnam	16
Daughter is a seamstress in Vietnam	17
Life in Nha Trang, Vietnam, circa 2011	18
Visiting Vietnam	
Oyster reefs closed, 2011, Mississippi Sound	20
Tet celebration, Vietnam	20
Shrimping in the United States	21
His experience of the Vietnam War	22
Decision to leave Vietnam	23
Journey on the sea from Vietnam to Philippines	25
Refugee camp in the Philippines	28
Letters home to wife	29
Coming to the United States	32
First home in United States in Minnesota	34
Catholic Church helps Vietnamese immigrants	36
Decision to move to Biloxi, Mississippi, to shrimp	37
Daughter hospitalized in Vietnam	39
Differences in fishing in the United States and Vietnam	43
Fishing equipment	43
Advantage of owning his own boat	44
Hurricane Katrina, 2005	46
Living on his boat after Hurricane Katrina destroyed his home	52
BP Deepwater Horizon oil disaster	53
No shrimp, no work for inshore boats, peak of shrimp season, after oil disaster	54
Words of wisdom for the children	57

### AN ORAL HISTORY

#### with

### **TUAN TRAN**

This is an interview for The University of Southern Mississippi Center for Oral History and Cultural Heritage. The interview is with Tuan Tran and is taking place on September 23, 2011. The interviewer is Linda VanZandt. English/Vietnamese interpretation is provided by Angel Truong Phan.

**Interviewer's Note:** Interviewee, Mr. Tran, speaks Vietnamese with some English throughout the interview. Ms. Phan translates/interprets Mr. Tran's Vietnamese responses into English to Ms. VanZandt. Vietnamese transcriber's English translation of Vietnamese language passages are italicized and appear in parentheses below the passage. Ms. VanZandt's responses and follow-up questions were in response only to Ms. Phan's interpretation during the interview. There is additional information revealed here, post-interview, in the italicized transcribed passages.

(Recording begins with Mr. Tran speaking in Vietnamese to Ms. Phan about why he has chosen to give his oral history.)

**Phan:** I think what he's saying, (Vietnamese word) means "legacy."

VanZandt: Really?

**Phan:** Yeah. He just said that word.

**VanZandt:** What was he saying about "legacy"?

**Phan:** He said, "I understand what you guys are trying to do. This is a recording of my legacy."

VanZandt: Yes! Exactly!

**Tran:** (laughs)

**VanZandt:** For history. And people 100 years from now who hear this—

**Tran:** (laughs)

**VanZandt:** —and learn about your life and Vietnam.

Tran: Yeah.

**VanZandt:** Life here on the Gulf Coast and fishing.

Tran: Yeah.

**VanZandt:** OK, good. Well, I'm going to start by saying, today is September 23, 2011, and this is Linda VanZandt with the Center for Oral History. And I'm here with Angel Phan, who will be interpreting, and Mr Tran. We're here on Mr. Tran's boat called the *Sweet Mary* on Back Bay in Biloxi, Mississippi. And, Mr. Tran, thank you for being here today.

Tran: OK.

**VanZandt:** Could you state and spell your name please.

**Tran:** Tên tuổi ha?

Phan: Yeah.

**Tran:** The name is Tuan Tran (spoken in Vietnamese).

**VanZandt:** And the first name is spelled T—

**Tran:** First name is Tuan, last name is Tran, T-R-A-N.

VanZandt: OK.

**Tran:** First name, T-U-A-N.

**VanZandt:** T-U-A-N, OK.

Tran: Yeah.

**VanZandt:** Tuan Tran. And Tuan, when were you born?

**Tran:** I born in Vietnam, July 28, 1963.

**VanZandt:** Nineteen sixty-three, OK. And where in Vietnam were you born?

**Tran:** City, Nha Trang.

**VanZandt:** Nha Trang. And I'll spell that. N-H-A, T-R-A-N-G.

**Tran:** Yeah, yeah. N-H-A, T-R-A-N-G, Nha Trang.

**VanZandt:** Thank you. Nha Trang, I'm not saying it correctly! (laughter)

Tran: (laughter)

**VanZandt:** (laughter) But it is in South Vietnam.

Tran: Yeah, yeah, yeah, Nha Trang. Yeah, yeah, OK.

**VanZandt:** I've actually been there, and it's on the coast in South Vietnam, north of Saigon.

**Tran:** Not, in the South, mi—(Mr. Tran thought Ms. VanZandt was saying it was in North Vietnam.)

VanZandt: In the middle, right, right. But north of Saigon.

**Tran:** Yeah, yeah. North and South, mi—

**VanZandt:** Yes, in the middle, right.

**Tran:** giữa. Không biết miền Trung nó kêu làm sao không biết? (I wonder what do they call that in Middle Region dialect?)

**Phan:** Right in the middle.

VanZandt: Yes. Tell me what growing up was like in Nha Trang.

**Tran:** Nó hỏi thích làm cái gì đó hả? (Did she ask me what do I like to do?)

**Phan:** Khi chú ở Việt Nam, rồi chú ở chỗ đó, chú sinh sống ra sao? (When you lived in Nha Trang, Vietnam, how was your life?)

**Tran:** Đúng rồi. thì tại vì cái chỗ đó, đúng ra nói về Nha Trang thì đời sống cũng rất là thoải mái, làng biển, với lại cảnh đồ thiên nhiên. Thành phố, đời sống cũng rất là tốt.

(Nha Trang, my life was pretty comfortable there with villages near the ocean, and the natural scenes. The city life was quite nice.)

**Phan:** Nha Trang gần biển không? (Is Nha Trang near the ocean?)

**Tran:** Sát bên biển đó. (*Right next to the ocean.*)

**Phan:** Sát bên Biển? (*Right next to the ocean?*)

**Tran:** Nó cũng giống như ở đây vậy đó. Sát bên biển nhưng ở đây thì nó lại khác. Bên kia là biển đảo, nói chung là đẹp lắm. Nói chung, Đời sống của người nhân Nha Trang đó, hầu hết là làm biển hoặc là – làm biển thì đa số nhiều hơn. Rồi buông bán thì tương đương là cũng nhiều. Rồi một số thì cũng làm rẫy, làm rẫy thôi chứ không có làm ruộng (rồi gì đó), làm rẫy làm vườn đó, làm cây làm cối, cây ăn trái vậy thôi. (It just like here. Here is also next to the ocean, but it is prettier over there in Nha Trang. The people of Nha Trang rely on the ocean for their survival. Most of them are fishermen. We have a decent amount of people who were doing business, a few gardeners. The gardeners raise trees and sell the fruits.)

**Phan:** Rồi lúc đó nước biển nó màu gì? (What color was the ocean?)

**Tran:** Nước biển thì đó là màu xanh. Nhưng mà nó nhiều đảo lắm, Người ta thích đi du lịch tới đó chơi nhiều lắm. Da.

(It was blue. There were a lot of islands. People love to travel there.)

**Phan:** Chỗ đó là chỗ du lịch? (So it was a tourist attraction?)

**Tran:** Nếu mà nói về hiện tại, bữa nay, nó là du lịch cũng có tiếng ở đó lắm. Nha Trang đó.

(Right now, Nha Trang is a very famous travel place.)

**Phan:** Rồi ngày xưa chú ở đó đó thì là-(So back then you were living over there, then—)

**Tran:** Ngày xưa chú ở đó thì đại khái chú còn nhỏ thì chú cũng sanh cũng tại đó luôn. Rồi chú nhỏ thì chú đi học, đi học thì nói đúng ra trong cái thời của Việt Nam Cộng Hòa thì nó lại đi học. Rồi sau Cộng Sản vô, ông già của chú chết vì lính. Thì chú đại khái lúc đó là gia đình cũng rất là khó khăn.

(I was born there. I went to school there during the regime of the Republic of Vietnam. But then the Communists came, my father lost his (inaudible) in the military, so my family had a lot of struggles.)

**Phan:** Lúc đó chú mấy tuổi (How old were you?)

**Tran:** Lúc đó mới mười mấy tuổi à, mười hai hay mười ba tuổi gì đó. (*About twelve or thirteen.*)

**Phan:** Vậy ba chú mấy hồi chú mười hai mười ba tuổi. (So your father died when you were twelve or thirteen?)

**Tran:** Ò. Ông già chú mất hồi chú mười hai mười ba tuổi (Yes, it was when I was twelve or thirteen.)

Phan: Vậy hồi ông già mất là ông già làm biển hả?

(Were your father a sea fisherman?)

Tran: Đâu có.Ông là lính. Đi lính.

(No. He was in the military.)

**Phan:** Đi lính với gia đình?

(He was in the military with his family?)

**Tran:** Đi lính của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đó. Đi lính. Rồi sau ổng chết, đại khái là Cộng Sản, năm 75 vô. Vô thì đại khái chú chỉ biết là gia đình khó khăn thì chú đi làm kiếm thêm, bỏ học. Chú bỏ học, đi làm phụ giúp cho gia đình - (He was in the military of the Republic of Vietnam. He died in about 1975 when the Communists took over. I had to work to earn money to help my family, so I quitted going to school.)

Phan: Dạ.

(I see.)

Tran: Rồi còn những đứa em về sau nữa.

(And my younger siblings.)

Phan: Vậy lúc đó là chú mấy tuổi vậy ạ, mà phải đi -?

(How old were you when you started working?)

**Tran:** mười bốn tuổi là chú đã biết đi làm rồi, đi làm bán, đại khái là làm những cái gì cái gì mà mình có thể kiếm được cái đồng tiền nuôi gia đình cho mẹ mình. (I started working when was fourteen. Basically I was doing anything to make money to help my mother feed the family.)

Phan: Mình đi học tới mấy tuổi?

(What age do you stop going to school?)

**Tran:** Ö. Đi học thì - (Going to school—)

Phan: Oh, đi học tới lớp mấy chứ!

(Oh, what was the highest grade level you completed?)

**Tran:** Tới lớp bảy lận. Cuối năm lớp 6. Là cái này là lên tới trung học rồi - (Seventh grade. My last year was sixth grade, which was middle school.)

Phan: Dạ.

(I see.)

**Tran:** Ở đó ,cái này là lên tới trung học rồi. Việt Nam thì nó tính là cấp một là từ lớp 1 cho tới lớp 5. Mà từ lớp 6 trở lên tới lớp 10 thì cũng như gọi là trung học. Thì đó, theo như chú thì trình độ chỉ tới lớp 6 thôi, rồi thì chú nghỉ, chú không có học nữa, phải lo đi làm kiếm thêm giúp cho gia đình. Rồi còn gia đình của chú là bảy anh em. Chú là người thứ tư, tính theo như Việt Nam, thì người thứ hai là đầu, người thứ ba, rồi thứ tư. Còn những người sau kia toàn nhỏ nhỏ nhỏ không. Rồi chú được cái đi làm phụ giúp thôi. Rồi khi mà chú lớn lên thì cũng sống nhờ cái nghề biển. Thì mình sống, hầu như sở thích của mình là biển không.

(It was middle school. In Vietnam, from first grade to fifth grade is elementary school. Sixth grade to tenth grade is middle school. I stopped at sixth grade. I had to make money to help my family. We have 7 siblings. I am the fourth child. In Vietnamese culture, the second child is the oldest, then the third and the fourth—when I grow up, I relied on fishing for a living. Most of my hobbies were related to the ocean.)

```
Phan: Dạ. (I see.)
```

**Tran:** Rồi sau đó thì chú được người ta coi như là đi vượt biên là mình đi luôn. (*Later, I escaped out of Vietnam.*)

```
Phan: Dạ. (I see.)
```

**Tran:** Là đi vượt biên qua năm 86 là ở bên đảo Philippines đó – Palawan (refugee processing center) đó.

(I escaped out of Vietnam in 1986 to Palawan, Philippines.)

Phan: Yeah.

**VanZandt:** I just wondered if—can you translate that whenever you're ready, because I know that's a lot.

**Phan:** Sure. So Ms. Linda had asked what his life was like in Vietnam at the time, during his childhood days. And he just told me that he lived near the beach, and it was like a tourist city, and now, currently in Vietnam, Nha Trang is a tourist attraction, and many people go over there for vacation. And when he was younger his father was in the [South Vietnamese] Army. And his father had passed away when he was at a very young age, maybe around twelve or thirteen. At that time, he was going to school, and he had to quit school when he was in the seventh grade because his father had passed away, and he wanted to help his mother to make a living and to help with the cost of living.

**VanZandt:** And how did he do that? How did he do that, help support the family?

**Phan:** Rồi lúc đó chú làm cái gì đặng giúp gia đình? (So what did you do to help your family?)

**Tran:** Thì đại khái là khi mà ông già mất, rồi chú cũng học tới lớp 6 rồi đó, nói đúng ra bà già cũng không có lo nổi cái vấn đề về học nữa. Rồi bắt đầu chú mới đi làm. Đại khái là lúc tuổi mình còn nhỏ mình chỉ biết là mình đi bán bánh bán kẹo. Nói chung là những cái gì mà, cà rem, những gì mà kiếm được tiền phụ cho bà già thôi, nuôi lại mấy đứa sau thôi.

(I was selling candies and ice creams to help my mother and the younger siblings.)

**Phan:** Lúc đó má của chú làm -? (What did you mother do for a living back then?)

**Tran:** Thì bà già cũng buôn bán. Đại khái là mua trái cây, đi qua chợ, rồi đi mua trái cây về, xoài, ổi mít, đại khái những gì mà bán - rồi để kiếm đồng tiền. (My mother was selling fruits like mangos, jackfruits, for a living.)

**Phan:** At the time his mom was selling in the market, and she was selling a lot of fruits. He mentioned some of them were mangos, (asks to clarify, speaking Vietnamese) jackfruits, potatoes, and what he did to help was he helped his mom sell, and whatever he could sell, like ice cream or anything, candy. He started his own little shop.

VanZandt: That's great!

Tran: Yeah. My family poor. Gia đình chú nghèo.

**Phan:** Yeah. He said, "My family was very poor."

**VanZandt:** Is that what your mother did *before* your father died, too? Did your mother sell to the market, or did that just start after your father passed away?

**Tran:** Bà nói chú hiểu, đại khái là khi ông già chết, tất nhiên là đâu có được quyền lợi gì của quân lực Việt Nam Cộng Hòa nữa đâu. Hấy hông? Coi như là Cộng Sản nó vô, nói chung là gia đình rất là khó khăn lắm. Muốn đi học đi hành, con Ngụy quân Ngụy quyền, nó đâu có cho mình được tiếp tục đi học đâu. Nó bắt mình ... nói chung là con Ngụy Quân Ngụy Quyền là không có được quyền ưu tiên cái gì hết đó. (I understand what she says. Basically, we did not receive any benefits from the Communist government. My family had a lot of struggles. The Communist government did not allow children of ex-military of the Republic of Vietnam to go to school. We did not have any benefits.)

**Phan:** Dạ. (*I see.*)

**Tran:** Nói đại khái là không có được ưu tiên cái gì hết á. Thì bây giờ mình trong cái thời thế mình khó khăn thì bắt buộc là mình phải bươn chải để mình kiếm sống. Chứ ai cho mình? Thì đại khái là trong cái tuổi thơ của chú cũng rất là khổ cực. Làm cái

kia làm cái nó đủ mọi mặt hết. Có nghĩa là, miễn cái gì mà làm có tiền mà giúp cho mẹ mình là mình cứ làm thôi. Còn những đứa em sau mình, thì nó còn quá nhỏ thì thành thử ra nó đâu có biết cái gì đâu mà nó làm cái gì đâu.

(Yeah, we could not receive any benefits. We were forced to work and make a living. I had a lot of hardships during my childhood. I had to do anything I could to make money to help my mother. My younger siblings were too young to work.)

**Phan:** Mà trong gia đình có mấy đứa em? (How many younger siblings do you have?)

**Tran:** Có bảy người con lận. Có bảy anh em lận. (Seven siblings.)

**Phan:** Dạ. (*I see.*)

**Tran:** Chú là người thứ tư. (*I am the fourth child.*)

**Phan:** Mấy trai mấy gái? (How many boys and girls?)

**Tran:** Bốn trai, ba gái. (Four boys, three girls.)

**Phan:** He said he has seven all together in his [family]. And there were four boys and three girls. And he mentioned that, what he stated was it was *hard* during those times after my father passed away. It was *very*, *very* hard, and I couldn't go to school anymore because we didn't have any rights when the Communists had came in to take over. We didn't have any more rights then. It was just hard times.

**VanZandt:** I can imagine, Mr. Tran. And you were so young. Did you get any word ever about how your father died, or what happened?

**Phan:** Chú biết tại sao ông già chết không? (Do you know how your father died?)

**Tran:** Thì đụng độ với lại Cộng Sản đó thì chết. Rồi sau chết, nói đúng ra là năm 72 đó, rồi đại khái là chú ... thì gia đình lúc đó cũng khổ vì khi chết, tụi chú còn được hưởng một hai năm tiền mồ côi của chính phủ của Việt Nam Cộng Hòa cấp. Rồi sau năm 75, gia đình chú không còn được hưởng trợ cấp, hay cái gì nữa hết. Thì lúc đó gia đình của chú, con thuộc loại con Ngụy Quân Ngụy Quyền, đi bươn chải kiếm sống thôi, đâu có tiếp tục-

(He was killed in a battle against Communists. It was about 1972, so my family could receive some assistance from the Republic of Vietnam for a few years. But after 1975,

we did not receive any assistance. Nothing. My family was listed as children of the Republic of Vietnam's ex-military and had to find a way to make a living and survive.)

**Phan:** Lúc mà ba mình mất là ai báo tin cho biết? (Who informed you of your father's death?)

**Tran:** À, thì lính, đại khái là trong quân đội gọi về cho bà già biết. Lúc đó chú còn nhỏ lắm, chú không có biết cái gì hết tron á.

(The soldiers in the military called to inform my mother. I was too young, so I did not know anything.)

**Phan:** Lúc đó nó có phone hả? (You had a telephone back then?)

**Tran:** thì trong cái tổng đài, đại khái là gọi vô để mà – có nghĩa là cái vấn đề lính chú không có rành. Nhưng mà đại khái , ông gì chú chết ở mặt trận, đại khái là mặt trận. Rồi bắt đầu là nhắn tin cho người nhà, thân nhân nhận xác vậy đó. Ông già chết thì đem về nhà, lính kêu chôn mà bà gì kêu nhận xác mang về đất của tư nhân mình đó chôn.

(I don't know much about how it worked in the military. Basically, my father died on the battlefield. The military informed my mother to come get his body. They wanted to bury him, but my mother wanted to bring the body to our own land and bury him there.)

**Phan:** Da. (*I see.*) His father died on the battlefield. And he remembered that they called back to where his mom was, and his mom had to go up there to identify his body. He remembered that they could have buried him for them, but his mom said, "No. I want to have his funeral and bury him on our land."

**VanZandt:** And so you did?

**Tran:** Yeah. (chuckles)

VanZandt: And was that custom in Vietnam, to try to do that if you could?

**Phan:** Thường thường Việt Nam muốn đem về đặng chôn ở nhà? (Normally, do the Vietnamese people want to bury the body of their relatives in their own land?)

**Tran:** Ö đó - (*Yes.*)

**Phan:** Yeah, it's very normal.

**Tran:** Bởi vì mình có thân nhân là mình không có muốn bỏ. Thà không biết thì thôi chứ biết là mình phải đem cái xác của cha mình á, người thân của mình về lại cái đất của mình chôn.

(Because we don't want to abandon our relatives. So we must bring the body of our father, or our relatives to our own land to bury.)

**Phan:** Normally, if you don't *know* them, then that's fine. You know, the soldiers can take them anywhere. But if it's your *family*, it's normal to bring their body home to their homeland.

**VanZandt:** All right. After your father passed away, who was the most important figure in your life then? Did you have grandparents who were important in your life or lived with you, or anyone else who kind of helped fill that gap in his life after his father left?

**Phan:** Ba chú mất rồi đó, có người nào khác mà nuôi chú lớn không? Những người là, có ông nội, chú bác gì đó?

(When your father died, did anybody help to raise you? Like grandfather, or uncles?)

**Tran:** Không có ai hết á. Có nghĩa là gia đình của chú khi mà ba chú mất, coi như là bao nhiêu mẹ con đùm bọc nhau thôi. Rồi bươn chải, nghĩa là kiếm gì là nuôi nhau. Bà già của chú là không để con mù chữ thôi. Ai cũng biết chữ tuy trình độ không cao, nhưng mà trong cái thời khó khăn vậy, cho con biết được cái chữ cái nghĩa. Chứ không có để là mù chữ.

(Nobody. When my father died, my mother and siblings had to take care for each other. My mother did not want her children to be illiterate. So everybody could read, although the level of reading is not high. In tough time like that, it was helpful for the children to be able to read.)

**Phan:** Là chú thích đọc sách phải không? (So you like to read books?)

**Tran:** Ò, đọc sách là thích lắm. Đọc sách hay là truyện cổ tích, lịch sử Việt Nam thì chú cũng OK lắm.

(Yeah, I do like to read. I like to read about Vietnamese folklores and Vietnamese history.)

**Phan:** So he said there wasn't another male figure in my life, but the one thing good about my mom is she made us go to school and learn how to read. And I got a lot of it from books, and I read. I love it. I love reading.

**VanZandt:** Really? So you had access to books?

Tran: Yeah.

**VanZandt:** Do you remember any special type of book that you enjoyed reading?

This transcript is for reference and research purposes only. It is protected by copyright. Permission to publish must be requested from the Center for Oral History and Cultural Heritage. Contact information can be found at http://www.usm.edu/oral-history.

**Phan:** Chú có nhớ câu chuyện gì mà chú thích nhất không? (Do you remember your favorite story?)

**Tran:** Thì nói đúng là ở Nha Trang thì nhiều câu chuyên thích lắm chứ. Ví du như mình lớn lên, tuổi thơ của mình cấp sách đến trường học, với bạn bè. Rồi khi mà mình không được may mắn được tiếp tục mình học nữa, nhìn thấy ban bè của mình từng ngày lên từng lớp, mình thì đi làm. Mình thấy cái tuổi thơ của mình có cái gì đó bất hanh, nó không được may mắn như các ban khác. Mình cứ nghĩ với lượng tâm mình, ở Nha Trang, trong cái đời sống của gia đình mình rất là khó khăn mình không thể nào theo học được nữa. Rồi bắt đầu là tuổi thơ của mình đại khái là đi làm kiếm tiền, có nhiều kỷ niệm đẹp lắm. Nói chung là diễn tả thì không nói được. Nói chung là mình rất thích cái tuổi thơ, cái tuổi trẻ, Việt Nam cũng vậy nữa. Nhiều cái cảnh tương, nó làm cho con người mình thấy thích thú nhiều hơn. Thì chú đại khái cũng được may mắn, chú đi qua Mỹ này thấy cũng đâu có bằng quê hương của mình đâu. Còn nhiều cái kỷ niệm, nếu mà nói nhớ thì chú nhớ nhiều lắm. Thí dụ hồi nhỏ mình chơi với bạn bè, lớn lên ban bè trai gái đi đây đi đó, rồi sau rồi mình cũng may mắn đi vượt biên rồi qua tới bên đây luôn. Nhưng tư tưởng lúc nào cũng nghĩ về cái quê hương của mình. Quê hương của mình rất là tốt đẹp, nó nằm trong cái ấn tượng của mình. Nó là như vậy thôi.

(I had a lot of stories in my hometown of Nha Trang like when I was growing up and going to school with other kids. When I quitted school to start working, I felt unfortunate when seeing my friends still going to school. I had a lot of good memories in my childhood that I could not describe by words. I like the beauty of my childhood and my youth and of Vietnam too. I was lucky enough to come to America, but I still think my home country is better. I could not remember how many nice memories that I have about Vietnam such as hanging out with friends from childhood until we grow up. I was lucky to be able to come to America, but I always think about my home country. My home country is always beautiful in my mind. That is all.)

**Phan:** He just had a lot of memories when he was, of childhood, so whenever you asked him about his favorite books it took him back to his homeland in Vietnam, and he just remembered his dating stage. And it just takes him back to such a beautiful place. (chuckles)

**VanZandt:** Ah, that's great! Well, please share any memories that are coming to mind now. This is what we want to hear so we can understand how different the life was in Vietnam, and the culture, very different from the American [culture]. Anything, dating, school, playing with friends, going to the beach, just anything that comes to mind.

**Phan:** Lúc mà hỏi mấy cái câu hỏi này á làm chú nhớ tới Việt Nam rất là đẹp đó. Chú có kể về lúc lớn lên chú cặp bạn, đi chơi, mấy cái lúc đó, tại sao cảnh Việt Nam nó đẹp, kể cho mình nghe?

(The questions remind you about the beauty of Vietnam. You said you were hanging out with friends until you grow up, so why was Vietnam beautiful back then? Can you tell us?)

**Tran:** À thì đại khái là, nãy chú nói là cái tuổi thơ của mình, thì mình chơi theo với cái lớp nhỏ, rồi trong cái vùng neighborhood mình, mình chạy qua chạy lại mình chơi. Với nhiều cái ví dụ như – thì tuổi thơ mà – rồi càng ngày tuổi thơ nó sẽ trôi theo, mình lớn dần lên rồi bắt đầu mình cũng có bạn có bè, rồi cũng như là – (It was like running around the neighborhood in your childhood. Then, childhood went by, I began to hang out with older friends, then—)

**Phan:** Cái lúc đó đó là đi xuống biển chơi hay là nấu ăn - (Did you and your friends hang out on the beach or just cooking?)

**Tran:** Thì vòng vòng đó, các đảo rồi ban bè, rồi nhiều khi lâu lâu mình cũng có tổ chức – tuổi nhỏ mà – thì ở Nha Trang có những hòn đảo ở sát bờ lắm, thì mình ra đó mình đốt lửa trai lên mình chơi, ban bè có sư đóng góp, mỗi đứa một chút như food đồ ăn đồ uống. Ra đó mình chơi, mình đốt lửa trai lên, rồi đai khái là mình không có những cây đờn, mình lấy xoong gỗ để tạo ra tiếng nhạc, âm thanh để cho nó vui vẻ trong cái buổi đi chơi thôi. Gái trai đại khái thì cũng – đời sống lúc đó cũng khó, cũng khổ nhưng mà mình tạo những cái niềm vui như vậy là cũng mừng lắm. Phải nói là ban bè thì trai gái tu tập lai chơi đảo, hoặc là chơi ở dưới bãi biển Nha Trang, đốt lửa rồi lên, ăn uống, chơi vậy thôi. Đó là những mơ ước của mình, mình nghĩ sẽ không bao giờ mình quên. Rồi bây giờ mà bạn bè mà mình – Nói chung là chú cũng nghĩ là may mắn mình được qua bên Mỹ này, chú về chú nhìn lại những ban bè đó thì giờ người ta có chồng có con, đại khái rồi xui có giang, nhưng mình nhắc lại câu chuyện mấy chuc năm về trước, rồi tuổi thơ của mình vậy đó. Câu chuyên mà chú muốn nói nó là như vây đó. Nói chung lai là mình được rất là may mắn khi qua tới bên Mỹ này, mình trở về lại đó. Còn nói về cái tuổi thơi tuổi trẻ, thì lúc nào mình cũng mơ ước á, vì đó là những kỷ niêm không có thể nào mình quên được. Đai khái là mình xuất thân gia đình nghèo, tuổi thơ của mình, rồi khi mà mình lớn lên vào cái tuổi vi thành niên rồi thì mình cũng biết ban bè trai gái rồi, đại khái là có cái gì đóng góp vô đốt lửa trai rồi chơi này nọ. Rôi một ngày nào đó mình may măn mình đi vượt biên luôn. Câu chuyện nó là vây. Thì chú về - còn chuyên chú đặt chân qua Mỹ này là khác nữa. (Well, around the beach and the islands. Sometimes we camped on those islands in which each of us contributed to the food and drink supply. We litted the fire and used cookwares instead of guitars and instruments to make sounds. We usually hung out on the beach or on the islands. I could never forget those days. I was lucky to be able to come to America. My friends, now they all have family, and their kids are all married. So that my story. Basically, I came from a poor family. I had friends who I hung out with in my childhood and early adulthood. Each of us was a part in lighting the campfire. Then one day I escaped out of Vietnam. That is the whole story. It is a different story when I came to America.)

**Phan:** Để cháu thuật lại cái tuổi thơ của chú. (*Let me summarize your childhood.*) To summarize most of what Mr. Tran had said, he was taken back to the moment

when he was living in Nha Trang near the beaches. And he just remembered having bonfires and having friends, and they cooked, and everyone pitched in to bring food and drinks. And even though it was *hard* times, those were the moments that I remember most. And even now I'm in America, and I go back there, and I get to revisit. The rush of memories just come in, and I see my friends that I used to hang out with, and some of them they have kids and even grandkids. But some are still struggling, and I visit them, and we get to go down memory lane, and those are the moments we get taken back, and we laugh about it.

**VanZandt:** That's great! That's so great, and beautiful. You've got me there now. I'm back there in Nha Trang. It's such a beautiful place. Is your house still there that you used to live in? Do you go back to visit there?

**Phan:** Cái nhà của chú hồi xưa ở còn ở đó không? (Is the house you lived in your childhood still there?)

**Tran:** Còn chứ. Vẫn còn ở đó. Bây giờ đại khái là Nha Trang bữa nay cũng giải tỏa để làm đường làm xá nhưng mà nhà chú vẫn còn ở nơi đó. (Yes, it is still there. The city of Nha Trang is building new roads, so they were clearing out and reconstructing places, but my house is still there.)

**Phan:** Well, the streets and everything are different, but the house that I used to live in is still there.

**VanZandt:** Is it? Who lives there now?

**Tran:** Chú không ở cái nhà đó nhưng mà anh chị mình ở rồi. Ông anh trưởng về cái nhà đó ổng lo nhang khói cho gia đình. Còn chú về chú sẽ bỏ tiền ra mua miếng đất cất cái nhà riêng tư của chú. Nó không dính líu gì đến gia đình hết. (I don't live there, but my older siblings do. My oldest brother is living there now to protect the traditions for my family. When I come back, I will use my own money to buy a piece of land and build my own house that is totally separate from my family.)

**Phan:** Chú đã mua chưa? (Did you buy the land yet?)

**Tran:** Chú cũng đã có cái nhà riêng tư cho vợ con chú ở bên đó. (*I did have my own house for my wife and my kids.*)

**Phan:** Wow, còn vợ còn con ở Việt Nam hả? (Wow! So your wife and your kids are still in Vietnam?)

**Tran:** Còn vợ con bên Việt Nam. (*Yes.*)

**Phan:** My brother lives in that home now, and but I've been fortunate enough to come to America and make a living and go back there and buy a piece of land. And I actually have a wife and children that lives in the home. Cái nhà đó chú cất hay là ai cất? (Who built your house in Vietnam?)

**Tran:** Cái nhà đó là chú cất, chú có tiền chú làm ở đây chú gửi về cho vợ chú cất. (I send my money from here to Vietnam for my wife to build it.)

**Phan:** So I bought the piece of property, but I would send it [money] to my wife, and she had it built for our family.

**VanZandt:** Would you like to share the name of your wife and children?

**Phan:** Vợ chú tên gì? (What is your wife's name?)

**Tran:** Phan Thi Thao.

Phan: Thao Phan, T-H-A-O, and Phan.

VanZandt: P-H-A-N, OK. And what about the children? How many children?

**Tran:** Two children, and boy and girl (showing a family photo of his family), gia đình, my family right here.

**VanZandt:** Oh, this is your family! We're looking at a picture.

Phan: Oh! Oh, wow!

VanZandt: In Nha Trang?

**Phan:** Gia đình ở Nha Trang đấy ạ? (Your family is living in Nha Trang?)

**Tran:** Ò, ở Nha Trang, muốn không chú lấy ra cho coi. (*Yes, Nha Trang.*)

**VanZandt:** Oh, isn't it beautiful (referring to photo). When was that taken?

(Tran and Phan speaking in Vietnamese, not translated)

VanZandt: Oh, look at the water!

Tran: Yeah.

**VanZandt:** How blue and clear, and the mountains.

Tran: Ah.

**VanZandt:** And is that a bridge [monkey bridge]?

Tran: Yeah, yeah, bridge. Đẹp lắm (beautiful).

(brief interruption when table collapses and Mr. Tran fixes it)

**VanZandt:** What are the names of your children?

**Tran:** (Vietnamese not translated)

Phan: It's called Monkey Island. This is where my family—

**Tran:** (Vietnamese not translated)

Phan: Tên của hai đứa là gì.

(What are the names of your children?)

**Tran:** Tran Quoc Huy and Tran Thi Thanh Nga.

**Phan:** His daughter's name is Thanh Nga Thi Tran.

**VanZandt:** If you could spell that please.

**Phan:** T-H-A-N-H. Nga is—

VanZandt: N-G-A.

Phan: Tran.

VanZandt: OK.

**Phan:** Con trai tên gì? (What is your son name?)

**Tran:** Tran Quoc Huy

Phan: And Quoc, Q-U-O-C.

Tran: H-U-Y. Yeah.

Phan: Tran.

**VanZandt:** Tran. And how old are they? How old is your daughter?

**Tran:** (Vietnamese not translated) About twenty-five, twenty-three. Boy is twenty-five.

VanZandt: Wow!

**Phan:** She's twenty-three, and he's twenty-five.

**VanZandt:** He looks big, strong!

**Tran:** (laughter) Yeah. (laughter)

**VanZandt:** Does he play sports? (chuckles)

**Tran:** Yeah, he work, fisherman.

**VanZandt:** He's a fisherman, too?!

Tran: Yeah. Vietnam, he work fisherman. He, uh (chuckles), I don't know.

**VanZandt:** Wow, how interesting! Did you teach him how to fish? How did your son learn how to fish?

**Phan:** Chú có dạy nó đi biển không? (Did you teach him how to fish?)

**Tran:** Thì nó lớn lên trong khi chú thì qua bên đây, chú cũng làm giấy tờ bảo lãnh một thời gian thì chú cũng không tiếp tục theo giấy tờ bảo lãnh nữa, càng ngày nó lớn lên thì nó sống theo mấy chú mấy bác nó, rồi mấy cậu dượng. Đại khái là cái vùng đó hầu như là đa số làm biển thì nó cũng theo làm biển thôi.

(He grew up while I was in America. I did file the paperwork for him to come to America, but I did not continue with it. As he was growing up, he lives the life like his uncles and relatives. Most of them are fishermen, so he also became a fisherman.)

**Phan:** In that area there are a lot of fishermen. His uncle, which is my [Mr. Tran's] brother, taught them how to go fishing. But I wasn't there. [I was] in America. I tried to bring them over here, but I did not follow up on their paperwork as much to get them over here.

**VanZandt:** Is that possibly in the future? Is he still pursuing that?

**Phan:** Chú có ý định đem nguyên gia đình qua không? (Do you plan to bring your whole family to U.S.?)

**Tran:** Có chứ nhưng mà bây giờ khổ cái là chú cũng không có quốc tịch , rồi cháu cũng lớn rồi thành thử chú làm chú để đó. Chú chờ chú 50 tuổi, chú thi quốc tịch tiếng

Việt là đảm bảo hơn, chứ thi tiếng Anh đảm bảo không đậu rồi. Nhưng vẫn có ý định bảo lãnh tụi nó qua đây hết, chứ không có ở bên đó.

(Yes, but I don't have citizenhip. I am waiting until I am fifty years old so I can take the citizenship test in Vietnamese. I can't pass the test in English, but my plan is to bring my whole family over here.)

**Phan:** Yes, I want to bring them to America, but the thing that's stopping me is, I'm not a citizen yet, and I want to take my citizenship [test], but I still need to learn more English. And I'm afraid I'm going to fail it if I take it in English. So maybe if I turn fifty, I can take it in Vietnamese. (chuckles)

VanZandt: Oh, can you, if you turn fifty?

**Tran:** Thì những người năm mươi tuổi, sống ở đây trên hai chục năm rồi thì mình thi vô quốc tịch thôi.

(Yeah, if you are fifty years old and live in America for more than twenty years.)

**Phan:** He said if you've been in America for twenty years and you're fifty, you can take it in Vietnamese and become a citizen.

**VanZandt:** So maybe three more years? (chuckles)

**Tran:** Yeah, maybe, maybe about three more years. (smiles)

**VanZandt:** Great. That's so wonderful to see your family. I know you must be very proud you're taking care of them. And what does your daughter like to do? What are her interests?

**Phan:** Con gái của chú thì nó làm cái gì? (What does your daughter do for living?)

**Tran:** Bây giờ thì nó cũng có ý định là – nghĩ là cha nó bảo lãnh đó, nên nó học đủ thứ nghề, nghề thợ may, nghề nail. Đại khái mấy cái nghề thợ may, nghề nail là nó ra nghề rồi, nó biết nhiều lắm. Sở thích của nó là thích đứng bán đồ đạc vậy đó. Đứng bán quần áo, cái kiểu modern fashion vậy đó. Giờ nó đang làm là làm cái đó. (She thinks that I am sponsoring her to America, so she is learning all kinds of skills like tailorship and how to do nails. She already know those two skills, and she have a lot of other skills. Her interest is selling modern, fashion clothes, and she is doing that right now.)

**Phan:** She's very versatile. She likes to do a *lot* of things. And she's interested in many things. She's been a seamstress. She's done nails, and she's also had a fashion shop. (chuckles)

VanZandt: Wow!

**Phan:** A clothing store. Chị đó bán quần áo phải không? (She selling clothes?)

**Tran:** Không, chị thích bán thôi chứ không phải là nhà có tiệm. Làm đủ thứ hết, làm nail cũng có nè, rồi may quần may áo. Ai đặt – sở thích của chỉ là may quần áo kiểu này kiểu nọ - cái sở thích.

(No. She likes to do that, but our family doesn't have a store. She does a lot of things like doing nails and tailoring. Her hobby is tailoring.)

**Phan:** She does nails, and she likes to design clothes, and then she likes to go out and sell it.

**VanZandt:** That's fantastic. Well, Mr. Tran, it just makes me think about how different that sounds like their life is from when you grew up in Nha Trang during the war. Can you talk about, when he goes back to visit, what's changed, and how their life is different? Nha Trang has changed.

**Phan:** Hồi xưa thì nó khác. Giờ chú về Nha Trang vậy đó chú thấy khác cái chỗ nào? (It was different back then. When you go back to Nha Trang now, what differences do you see?)

Tran: Khác chứ. Nó rất là khác nhiều lắm chứ. Thí dụ như là, thực tế đi, ngày xưa thì đường xá nó không được như bây giờ. Bây giờ thì mở đường mở xá ra nhiều, rồi các cái đảo nói chung là Nhà Nước mở những công ty du lịch, nên Nha Trang nói chung lại người ta thích ra để du lịch, kể cả nước ngoài, và trong nước đều thích ra Nha Trang chơi. Đường xá mở rộng ra, vấn đề an ninh cũng đỡ hơn mấy cái tỉnh khác. Đại khái là nó trật tự hơn chút. Nói chung là người thích du lịch thì ra Nha Trang chơi nhiều hơn, khí hậu mát mẻ, đảo hòn, người ta đi đây đi đó, đi đủ chỗ hết. Chú không thể nào kể hết cái đẹp về Nha Trang, nhiều hòn, những người thích đi du lịch thì người ta vẫn thích đi Nha Trang hơn. Khí hậu tốt, biển đẹp, nước xanh, bãi cát bãi đồ, người ta tắm , người ta chơi. Nói chung là đủ môn , đường xá xe cộ đi lại rất là thoải mái. Về đêm cũng nhiều thú vui hơn. Đại khái đời sống bữa nay thì nói chung là bà con người dân cũng đỡ hơn hồi xưa nhiều trong cái thời bao cấp. Rồi nó có những di tích, những cái tháp của ngày xưa của người Chàm để lại những di tích cho nên du lịch từ nước ngoài, người ta cũng muốn tới đó thăm viếng, để người ta tìm tòi những gì di tích cũ của ngày xưa. Đó là theo cái sử nó để lại thôi.

(There are a lot of differences. For example, the roads right now is much better than before. The government opens many companies for tourism. The security is also better than other provinces. People like to go to Nha Trang for tourism because of the nice weather, the islands, the blue ocean, and the beaches. There are more activities at night. Overall, the people have a much better life right now than what they used to have when the Communists just took over. There are also historical places like the towers of the Champa Kingdom. Foreign tourists especially like to visit those places.)

**Phan:** He said it's quite different now. The roads are different, and they built a lot of things. Of course the beaches are still there, and the water is blue. There's still a lot

of history there, and a lot of tourists likes to come there because they've set up different monuments for people to look at, and I really like it when I go back home.

**VanZandt:** That's great. And when was the last time you visited, and how many times a year do you get to go, how often?

**Phan:** Chú đi về Việt Nam hồi nào? (When did you come back to Vietnam?)

**Tran:** Chú về hoài à (*I go very often.*)

**Phan:** Mới đây nè. Năm mấy—(Recently, what year?)

**Tran:** Thường thường – năm 95 chú về là bà già chú mất. (*Normally, it was 1995 when my mother passed.*)

**Phan:** Lần sau cùng chú về Việt Nam là năm mấy? (When was the last time you go back to Vietnam?)

**Tran:** Mới đây nè, đầu năm nay. Thường thường chú làm ở đây tám tháng. Tới mùa thì chú qua chú sửa tàu, rồi chú làm. Rồi đến khi bắt đầu giữa tháng 5 thì chú đi làm rồi, đi làm tới tháng 12. Nửa tháng 12 là chú mua vé máy bay chú về Việt Nam (Just recently, the beginning of this year. Normally I work in America for eight months. When the fishing season come, that when I start fixing ships. I start working at about middle of May. I work until mid-December, and then buy the ticket to go back to Vietnam.)

**Phan:** Vậy mình làm tám tháng rồi mình off bốn tháng (So you work for eight months and off for four months.)

Tran: Four tháng, mình bay về Việt Nam mình ở

**Phan:** Lần sau cùng chú về là 2011 phải ko? (The most recent time you went back to Vietnam was in 2011?)

**Tran:** Two thousand ten.

**Phan:** His last trip to Vietnam was in 2010. He used to take frequent trips to Vietnam. He will work for eight months over here fishing, and then he'll have four months off, and he'll go to Vietnam for four months. So he was there quite often. He was just there last year.

**Tran:** Four tháng mùa đông ở đây nó lạnh lẽo lắm, không biết làm cái gì hết. Mấy hôm, có làm sò , nhưng giờ nó đóng rồi nên không biết làm nghề gì nên mùa đông

chú bay về bên Việt Nam chú qua lại, nói chung là lên bờ, ở bên đây chú cũng biết làm gì đâu. Chú làm tôm, có sò thì chú làm sò. Rồi nó có là công việc nó xoay vòng vòng, mà giờ sò nó đóng cửa rồi nên không làm được, làm hết tôm là chú đi về. Bốn tháng thì chú qua lại. Chương trình nó là như vậy thôi.

(Four months of winter in America is very cold, so I don't know what to do during that time. I was working with oysters before, but now they are closed, so I have nothing to do during the winter. I worked with shrimps, but when they have oysters, I work with oysters, too. Now the oyster place is closed, so I go back to Vietnam for four months.)

**Phan:** He just does that frequently, every year. He was restating that he would work for eight months, and then since it's cold over here for four months, he would go back to Vietnam for four months.

**VanZandt:** I was going to ask him what four months that might be. So winter time here?

**Phan:** Từ tháng mấy đến tháng mấy chú đi về Việt Nam? (How long do you stay in Vietnam? From what month to what month?)

**Tran:** Từ tháng 12 đến tháng 4, chú phải qua đây khai thuế má. 4 tháng . (*From December to April, I have to do my tax in April.*)

**Phan:** So December, January, February, March, and tax season comes so I have to come back.

**VanZandt:** (chuckles) Oh, boy! But for Tet [Vietnamese New Year]! So you get to go for Tet.

**Tran:** Yeah. (Vietnamese not translated)

**Phan:** Ở Việt Nam Tết vui lắm phải không? (*Tet in Vietnam has a lot of fun, right?*)

**Tran:** Đúng, vui lắm. Nói về Tết thì quá vui rồi. Nói chung, tới Tết thì mình lại nghĩ về đến cái tuổi thơ. Tụi cháu được may mắn qua bên Mỹ, chứ tụi chú ở Việt Nam nó vui lắm. Đại khái là – nói chung là lì xì nè, con nít nó chạy , la hét : "Năm mới năm mới, chúc mừng năm mới". Đái khái là vậy. Nói đúng ra thì cái tuổi thơ ở Việt Nam thì Tết nhất rất là vui vẻ. Mà chính bây giờ chú lớn lên tuổi chừng này mà chú vẫn thích Tết ở Việt Nam lắm. Chú bây giờ hiện tại còn thích tết ở Việt Nam. Giờ có cái là không được đốt pháo thôi chứ còn nếu mà đốt pháo thì càng vui hơn nữa. Bây giờ thì cái công việc của chú đại khái là làm ở đây thì tháng tư chú qua, chú đóng thuế rồi trong thời gian ở lại đây thì chú sửa chữa tàu bè tới tháng 5, là giữa tháng 5 nó mở hồ là chú đi làm. Đi làm, đại khái, thời tiết song gió, tới làm đến tháng 12 là hết tôm rồi. Cạn là hết tôm rồi nếu có sò thì đổ qua làm sò. Mà nếu giờ sò đóng thì không biết làm gì hét thì mua vé máy bay đi về (chuckles). Mỹ với Việt Nam cũng gần gũi nhau thôi, về ở tới 4 tháng, ở với gia đình bên Việt Nam vui vẻ, với con cái, vơ con, rồi Tết Việt

Nam rất là phong phú theo truyền thống. Hết Tết thì đại khái là qua lại. Xoay vòng nó là như vây đó.

(Yes, you are right. I often think about my childhood when Tet comes. You are lucky to come to America; but we have a lot of fun during Tet. I often think about my childhood during Tet. A lot of memories like lucky money, the kids are running around yelling "Happy New Year!" Even though I am this old, I still like the Tet atmosphere in Vietnam. The only thing that we are missing is that we no longer can play with the firecrackers. If we can, there is going to be even more fun. So my work schedule is something like this. I come back to America in April to do my tax, and then I start fixing ships until May. In the middle of May, I start working on shrimping until December. When there are no more shrimps, then I start working on oyster. If there are no oyster, then I have nothing to do, so I go back to Vietnam. I enjoy the time in Vietnam with my family, and I stay there until Tet is over. Tet in Vietnam is still very traditional. So that my life, and it keeps going like that every year.)

**Phan:** He just described Tet in Vietnam. The New Years in Vietnam is a lot funner than New Years over here. And he said that you guys don't get to experience, (talking about Ms. Phan)—growing up over there I [Mr. Tran] got to experience. It's really lively. There's children walking around and adults playing music, and you get little red envelopes, and it's just a lively event over there, and people are really hyped up about it.

VanZandt: That's what I've heard!

Tran: (chuckles) Yeah.

VanZandt: And lots of flowers and people take off of work.

Tran: Yeah.

**VanZandt:** And family comes together.

**Tran:** Yeah, yeah, yeah!

**VanZandt:** That's a wonderful tradition.

**Tran:** Tại vì thường thường – tụi cháu sinh ở Mỹ mà phải không? – Tụi cháu không có thấy ở Việt Nam, như cỡ 20 đến mùng 1 hay 30. Cháu thấy vui lắm, người thì mua sắm cái này, người thì mua sắm cái kia, để dành cho ngày Tết. Bạn bè tụ tập cúng tiệm cúng đồ, cúng thần tài, đủ kiểu. Mình nhậu, mình ăn mình chơi. Nói chung là Tết nhất chỉ có bấy nhiêu, một năm mình làm việc vất vả thì chỉ được có mấy ngày Tết đó thôi. Chứ không giống như ở bên Mỹ, mình chỉ quan trọng nhất là ngày cuối tuần, còn Việt Nam là quan trọng mấy ngày lễ lớn, tết nhất thôi. Weekend, thứ 7 và chủ nhật vẫn đi làm, khác ở đây. Đời sống của chú là nó như vậy thôi. Nói đúng ra, cuộc đời của chú cũng được cái may mắn qua bên đây cũng đỡ, ở Việt Nam thì cũng chết chứ làm cái gì? Thì coi như nếu mà nói về cuộc đời của chú Tuấn thì coi như là mấy tuổi là ông

già chết cũng vất vả rồi lo cho này nọ, đến khi chú được 24 tuổi 25 tuổi chú được may mắn được đi theo vượt biên. Qua đến bên đảo Phillipines, Palawan, đời sống bên đó thì cho những người tị nạn.

(You were born in America, so you couldn't see how people do shopping for Tet in Vietnam. They bought a lot of stuffs, especially when Tet is only ten days away. People gather together to worship, party, and play games. That is all Tet is about. People work hard all year long so they only have a few days during Tet to have fun. Unlike in America where we value weekends, people in Vietnam value Tet and the big holidays. Nonetheless, I still feel lucky that I could come to America. I don't know what I would do if I stay in Vietnam. My father died when I was a teen. I escaped out of Vietnam when I was twenty-four or twenty-five to Palawan, Philippines, a place for refugees.)

**Phan:** He said that, so he's just very lucky to be in America, and he talked about when he was twenty-four, after he was able to go to the Philippines, and then come to America.

VanZandt: OK, OK. Why don't we get to that, to how you came here—there's so much more I could ask you about Nha Trang—and maybe the reason you left Vietnam. And if we could, before we get to that, just briefly talk about the war because you grew up, you were very young during the Vietnam War. And Nha Trang was a vacation place, tourist place, but anything you'd like to share about what living through the war was like, and with your dad in the Army.

**Phan:** Hồi chiến tranh, chú có thể kể về hồi chiến tranh không? Bả biết chỗ đó là người ta đi du lịch, mà mình ở Nha Trang mình có bị ảnh hưởng cái gì không? (Nha Trang was a tourist location during the Vietnam War. Did the war has any effects on the city?)

**Tran:** Không có ảnh hưởng gì đến Nha Trang, không có cái gì gọi là chiến tranh đâu. Đại khái, nói về Cộng Sản thì lúc vô thì mình còn nhỏ quá, mình đâu có biết cái gì đâu.Ông già chết thì bà già nhận xác về rồi chôn thì thôi. Chiến tranh thì phải nói đổ ra ngoài Quy Nhơn, Tuy Hòa, Phú Yên thì ở ngoài đó thì chú không biết. Chú chỉ biết, thời năm 75 vô thì con Ngụy quân Ngụy quyền nó không bắt mình đi nghĩa vụ thôi. Chú được may mắn là chú đi biển , chú gặp tàu người ta đi vượt biên, chú may mắn thì chú đi luôn. Mà nói đúng hành trình trên biển của chú cũng khổ lắm đó, mười mấy ngày long đong trên biển cả. Trên tàu thì không được đầy đủ tiện nghi, chỉ nhắm hướng mà đi thôi.

(No, the war did not have any effects on Nha Trang. When the Communists came, I was too young to know anything. The real frontline of the war was in Quy Nhon, Tuy Hoa, Phu Yen. I didn't know much about what was going on at those places. I only know that after 1975, children of ex-military of the Republic of Vietnam were not forced to go to military service. I was lucky because I was on sea and met the people who were escaping, so I went with them. I had a lot of hardships during the trip on sea. The ship did not have enough equipment. We could only aim the direction by ourself.)

**Phan:** Cộng Sản nó vô cái nó làm mình khó sống hay sao mà chú muốn đi qua Mỹ? (What did the Communist do that make your life harder? Why did you want to come to America?)

**Tran:** Không, không phải là khó sống. Nói đúng là một phần là khó sống, một phần nữa mình là con Ngụy quân Ngụy quyền thì không được ưu tiên gì hết. Sẵn người ta vượt biên, cháu biết không, nghe nói đi vượt biên là mình cũng đi theo luôn. Mình chỉ nghĩ là qua Mỹ vậy thôi. Còn khó sống thì khó sống rồi vì cái thời đó khó sống lắm. (Partly because life was harder; the other thing was because I am a child of a Republic of Vietnam's military official, so I could not have any benefits. People were so ready to get out of Vietnam, so when I heard people are escaping, I immediately went with them. I could think only of going to America. Life was pretty hard at that time.)

**Phan:** Well, the reason why he left [Vietnam] was, his father was in the South Vietnam Army. And so the fall of Vietnam, during that time, we did not get treated fairly. I didn't get the utmost respect or anything, and so living there I had friends that have boats, and when the opportunity came for me to go, I took it, and I went to the Philippines, and it wasn't easy to get there neither. It took me fiftteen days to get there.

**VanZandt:** Fifteen days, that's a long time at sea. Can you talk about preparing and making that decision to leave, Mr. Tran? What finally made you decide, "This is it. I've had enough;"—

Tran: (chuckles) Yeah.

**VanZandt:** —"it's time to go"? Because it must have been very difficult to leave your mom.

**Phan:** lúc đó chú đâu có gia đình đâu hả? (You did not have a family back then, did you?)

**Tran:** Không, chú cũng có gia đình rồi. Chú đã hai mấy tuổi, chú có vợ là 21, 22 tuổi. Chú được hai đứa chú rồi.

(No. I had a family already. I was twenty-something years old. I married when I was twenty-one or twenty-two. I already had two kids.)

**Phan:** Tại sao lúc đó mà nguyên gia đình không có đi vượt biên luôn, mà chỉ có mình chú đi thôi.

(Why didn't your whole family come with you?)

**Tran:** Đã nói thời thế khó khăn mình làm gì đi được đâu. Người ta đi biển rồi người ta cặp vào xin dầu xin nguyên liệu rồi hỏi : "có ai đi vượt biên không?", sẵn đó –

(At that time, it was hard. People who were escaping came to me to ask for fuel, and then I took the opportunity to go with them.)

**Phan:** Vậy là vợ con chú không biết gì hết? (Your family didn't know?)

**Tran:** Không biết gì hết. Lúc đó có cơ hội, bỏ vợ con lại, bỏ tàu lại đi - (*They did not know. I had to abandon my ship and my family to take the opportunity.)* 

**Phan:** Tàu đó của chú? (Your ship?)

**Tran:** Đâu có, chú làm trên tàu mười mấy người - (No. I worked on a ship with over ten other people.)

**Phan:** Vậy có mình chú đi? (So only you went on that trip?)

**Tran:** Và người nữa, mà giờ ở đâu thì không biết. Đại khái hỏi "ai đi vượt biên?" là phóng qua đi thôi.

(There were a few other people. I don't know where they live right now. They just asked,"Who want to go?" Then we jumped over and went with them.)

**Phan:** Lúc đó chú có mang quần áo lương thực theo không? (Did you bring any clothes and food?)

**Tran:** Không có cái gì hết á. Đại khái có mình một với bộ đồ nhảy qua thôi. (Nothing. I only had the clothes that I was wearing.)

**Phan:** OK. So his wife (showing a photo of his wife and two children)—this is his wife and his two kids. He was married at the time.

**VanZandt:** To this woman?

**Phan:** Yeah. And he was a fisherman at the time, and he was on a boat with maybe ten, fifteen other people, but they were going to fish. And there was *another* boat that was trying to flee Vietnam, and they had asked and stopped because they ran out of fuel. They asked, "Does anyone want to go?" His wife and kids does not know about this. They just know that he was off, out at sea, working, and uh, he just took the opportunity, and he got on the boat, and he left.

VanZandt: (gasps) Ah!

Phan: Um-hm.

**Tran:** (laughter)

**Phan:** (gasps) And in fifteen days it was just him. He did not bring *any* food with him. He did not bring any *clothes*. He just, "OK." One day they asked, and he's like, "OK, I'm just going to go."

**VanZandt:** And you (snaps) had to make that decision in a split second. Had you thought about leaving? Had that gone through your mind before? So many people had left.

**Phan:** Trước đó mình có suy nghĩ là mình muốn đi vượt biên không? (Did you think about escaping before?)

**Tran:** Trước khi mà chú đi mình cũng có một số bạn bè đó là nó đi trước, nó gửi đồ đạc về thì mình nghĩ rằng chắc có lẽ là bên đó ngon hơn bên này. Chú cũng không suy nghĩ gì nhiều, nghe tới đi vượt biên là mình nhảy lên mình đi thôi. Mình không suy nghĩ vợ con, mà chỉ nghĩ mình giải quyết được cái vấn đề của mình đi trược đã. Nói tóm lại là bạn bè nó đã có đi rồi, nó viết thư về, ok mình cũng tìm đường mình đi mà sẵn cái đà mình đi luôn. Với nữa mình đâu có tiền của mánh mung mình đi đâu. Đi là đi thôi, cũng đâu mười bốn mười lăm ngày trên biển đó. Máy hư, nó trôi đâu nó trôi, nhưng mình dân biển nên là cũng đỡ. Đỡ cái là mình kéo cá mình ăn, máy hư nó trôi đâu nó trôi, mình không biết nó trôi đâu hết á.

(I had a few friends who escaped before me, and they sent some stuff to me from America, which were better quality. I didn't think much; I just jumped on the ship and went with them. I didn't think about my family. I wanted to escape first. I have some friends who went before and wrote letters to me, so I was trying to find a way to go. I did not have a lot of money, so I had to take the opportunity and went with those people. The trip was about fourteen to fifteen days long. The engine was out of order, and ship was floating on the sea, and we couldn't control it. Fortunately, we were fishermen so we could fish for food.)

**Phan:** Ö, vậy lúc đó máy nó hư hả? (So the engine was out of order?)

**Tran:** Ùm, chạy ra tới Hải Phòng là máy nó hư, may mà nó tấp được vô đảo Philippines là người ta vớt à. Tàu tụi đánh cá Phil, nó gặp nó vớt, rồi nó đưa vô bờ thôi.

(Yes, the engine was out of order when we reached Hai Phong, but we could get to Philippines, and the Filippino fishermen brought us to shore.)

**Phan:** So he had a lot of friends that had left before him, and they wrote letters, and he would read the letters, and it would say that life over there [in America] was a lot better then life over here [in Vietnam]. So he didn't think nothing of it, but he did receive the letters and saw his friends go. When the opportunity arose, he went, and that was the reason. He did have a picture of what it was like through the letters. And then he also wanted to say how his trip was like. He remembered fishing for food because he didn't bring any food with him. So they fished for food, and he

remembered the motor had went out. So the boat stopped working, and we were drifting back and forth, to and fro. I didn't know where we were going to land, but we got rescued by one of the Philippine boats, and so we landed after fifteen days.

**VanZandt:** Mr Tran, that is—

Tran: (chuckles)

**VanZandt:** That is *amazing*.

**Tran:** Cái hành trình của chú khổ lắm, mà là anh em dân biển – (My trip was tough.)

**Phan:** cháu có nghe người ở ngoài biển, không có lương thực có cả ăn người nữa – (I heard some people were starving during the trip, so they practiced cannibalism. Is that true?)

**Tran:** Có, tại vì – chú thấy tận mắt luôn đó. Có cái tàu kia là 101 người, cuối cùng tấp đâu không biết nhưng mà đến khi tấp vô đảo  $B\hat{o} - l\sigma - bắp(?)$ , thì chết hết còn có một người đó à. Khi đưa người đó về trại Palawan, con bé đó kể hành trình gian nan, đói khát, rồi ăn với nhau thôi. Lúc đầu tiên còn lương thực thì khác, hết lương thực hết rồi - .Tụi chú thì làm biển thì không đói, thì câu cá , tàu thì bằng cây, cái nào ko đáng thì đốt ok, nước thì cũng không khát, 15 ngày trên biển –

(That is true, and I witnessed it myself. There was a ship with one hundred and one people, and they all died with only one person survived when they came to Bolobap(?). When we brought that girl to Camp Palawan, she told us about how people were starving and eating each other. We were fishermen so we could fish for food. We also did not face thirst during that fifteen-day trip.)

**Phan:** Có đủ nước không? (Did you have enough water?)

**Tran:** Thì không thong thả thôi, nhưng không đói khát. (We had a decent amount, but it was not too bad.)

**Phan:** Cháu muốn biết câu chuyện người ta ăn nhau có trên thuyền của chú không? (*I want to know if people were eating each other on your ship?*)

**Tran:** không có, chỉ nghe người ta kể lại thôi. (No. I only heard that from stories of other people.)

**Phan:** So his trip to America, it was difficult. He remembered when they ran out of food they were lucky to know how to fish. They remember carving, the boat was made from wood, and they would carve off pieces of wood from the boat to cook the food. And that's how they were able to survive. I was curious, so I had asked him, you know, there were stories of people that were out at sea for a very long time, and

they end up eating each other, and did that happen in your case. He said it didn't, but I actually got to witness a story that was similar to that, that there were people that were actually doing that. But luckily his boat—

VanZandt: They made it.

**Phan:** They didn't do that. They made it.

**VanZandt:** You were able to catch enough fish to last you.

**Tran:** (nervous chuckle)

**VanZandt:** Fishing saved you, it sounds like, your skills.

**Tran:** Hành trình đi vượt biên khổ lắm chư không như tụi con bây giờ được may mắn đâu. Hồi đó đi quá là gian nan lắm tại vì –

(*The trip escaping out of Vietnam was very tough because—*)

**Phan:** Mình biết câu cá đặng ăn sao mà mấy người kia – (So you know how to fish for food. Why didn't the other people?)

**Tran:** Mấy người kia cũng như là dân bờ người ta không có biết gì về biển cả, người ta chỉ như là đi vượt biên thôi. Người ta dự trữ số lương thực khoảng 5 ngày hay 3 ngày gì đó, là để lọt tới Phillipines hay tới nơi đảo nào đó. Nhưng ra cái tàu bè nó hư rồi thì người ta phải chịu chết thôi chứ biết làm gì biển cả? Thì số người đông, lương thực không đủ, rồi đói, khát rồi phải chết thôi. Chiếc tàu nó trôi đâu là nó trôi thôi. Cái số đó là lên đảo thì nghe thôi, cái tàu còn cái di tích để lại. Như chú 15 ngày trên biển thì đại khái, thì không đến nỗi gì, biết câu cá, mình ăn uống bình thường, cũng đốt lửa nhưng không có gia vị thì không ngon lành gì thôi, đốt lên nướng rồi ăn, nước thì uống.

(The other people lived on shore so did they not know anything about fishing. On their trip, they stored up foods that last for five or three days until they can come to the Philippines or somewhere. But when their ship is not running, they could not do anything against the huge ocean. The ship was floating by itself. My trip was fifteen days on sea, so it was not too bad. We know how to fish, so we were eating like normal. We litted the fire and grilled the fish, but had no seasoning. We also had enough water.)

**Phan:** So, I said, um, "Well, why do you think they would eat each other?" You know, the other boats and the story that he's telling me about. And then he said that they weren't fishermen. They were people that lived on land, and they just went on the boat to come to America, but they knew nothing about sea. They knew nothing about the boat, and so when their motor went out, they did what they had to do to survive. (quoting Mr. Tran) And I'm just lucky enough to be a fisherman. I know how to fish. And we fished, and we cooked our food, and we were able to survive off of it.

**VanZandt:** That's an amazing, amazing story.

**Phan:** So he's a proud fisherman!

VanZandt: You've been fishing for a long time, and it has saved you.

**Tran:** (shy chuckle)

VanZandt: And continues to sustain you—

Phan: (chuckles)

**VanZandt:** —to have those skills. That's incredible.

**Tran:** No. I mean, I been lucky.

VanZandt: Very lucky.

**Tran:** Yeah, and in Philippine.

**VanZandt:** Yes, tell me about the Philippines.

**Tran:** About one year, go America—Có nghĩa là chú may mắn khi chú tới đảo, vì ông già của chú là lính, nhờ giấy tờ lính đó –

(I was lucky when I came to the refugee camp because my father was a soldier of the Republic of Vietnam, so I used his military documents.)

**Phan:** Chú có đem theo hả? (You brought those documents?)

**Tran:** Hông, thì bên người nhà gửi qua như là giấy tử trận, giấy tiền cô nhi quả phụ. Nói chung là trong cái thời quân lực Việt Nam Cộng Hòa là đầy đủ giấy tờ hết. Chú qua đó được mấy tháng là bốc chú đi à. Rồi chú lên Xê-ô(?) học đâu mấy tháng rồi – (No. My family in Vietnam sent it over, like death certificate, and award letters. We had all the paperworks under the Republic of Vietnam. I came to the refugee camp for only a couple months, and then they let me come to America. I had to to stay to study for a couple more months.)

**Phan:** Vậy là ở bển có được 1 năm thôi hả? (So you only stayed there for a year?)

**Tran:** Ò, có một năm à. (laughter) (Yes, a year.)

**Phan:** He said, "I was very fortunate that I only had to stay there for a year. My family had sent my father's records, from him being in the army, over, and so they were able to help me."

**VanZandt:** Help you get to America then, because you were the son of a South Vietnamese Army soldier.

Tran: Yeah.

**VanZandt:** Right. Can I just ask, how did you get word back to your wife and children that you had left? When did they get word?

**Phan:** Sau khi chú lên đảo Philippines, sao mà chú gửi thư về cho vợ con biết? (So after you came to the Philippines, how did you send letter home to inform your family?)

**Tran:** Mình lên đó thì mình gởi thơ báo cáo cho người nhà mình biết là mình vẫn còn sống và đã lọt đến đảo rồi để cho người nhà mình mừng. Từ đó mình kêu người nhà mình gửi giấy tờ của ông già mình qua –

(I wrote a letter to inform my family members that I am still alive and could come to the Philippines and tell them to send over my father's military documents.)

**Phan:** Vậy khi vợ chú nhận được thư của chú, rồi hồi âm cho chú, lúc đó vợ chú rất là mừng hả?

(So when your wife received your letter, then she wrote back to you. Was she really happy?)

**Tran:** Mừng chứ. Tại vì trong cái cuộc hành trình mình ra đi mình nghĩ biết gì mình— (Of course. Because during the trip, I couldn't tell if I could make it.)

**Phan:** Mà gửi thư có than thở cái gì không? Hay chỉ là vui mừng là chú được – (Did you mention all the things you have been through to your wife? Or you were just glad that you could—)

**Tran:** À, coi như có nghĩa là gia đình rất vui mừng biết chú là đã tới đảo rồi. Tại vì trong cái lúc chú đi là nó cũng có ảnh hưởng vì bão, thành thử ra người nhà tưởng mình là mất hết rồi. Thì có người may mắn người ta đi sớm 5, 10 ngày là lọt tới đảo rồi, đánh điện tín cho người nhà ở Việt Nam biết là đã đến đảo rồi.

(Ah, my family was glad that I could make it to the refugee camp because when I left there was some hurricane still going on, so my family thought I couldn't make it. So there were people who left Vietnam five to ten days prior to the hurricane, and they came to the camp safely. Then they sent telegraph to their family to let them know that they have arrived.)

**Phan:** Vậy chú có nhớ cái thơ đầu tiên mà chú nhận của vợ chú không? (Do you remember the first letter you received from your wife?)

**Tran:** Thì đại khái là chú, chú đi là một tây tháng 9 năm 86, tới đảo là 16 tây tháng 9. (*I left on the first of September, and came to the camp on the sixteenth.*)

**Phan:** He's saying, remembering the date and time of when he left, and he's saying September, first of—

**Tran:** Coi như là ngày 2 tây tháng 9 của Việt Nam đó. (So technically it was the second of September in Vietnam.)

**Phan:** Cái đó năm mấy? (What year was it?)

**Tran:** Năm 86. (1986)

**Phan:** It was 1986, September 1, was when he left.

**Tran:** Chu đi 15 ngày, ngày 16 tây tháng 9, chú tấp vô đảo gọi là Balapắp(?). (I left on the sixteenth of September. My trip was 15 days and came to an island called Balapap(?))

**Phan:** He got to the Philippines on September 16, 1986.

**VanZandt:** OK. Did he have anything to say about communicating with his wife and family?

**Phan:** Oh, yeah. And I was going to get there, he just wanted to state that they—

**VanZandt:** Yeah, I'm so glad you did. I was going to ask—

**Phan:** Rồi chú có muốn kể tiếp theo cái thơ mà chú nhận được của vợ chú không? (Do you want to tell us more about the letter that you received from your wife?)

**Tran:** Thì lúc đó, ngày 16 tây chú đã lên đảo rồi, chú nhờ mấy người bạn bè đi trước nhắn tin bà già của chú nói là con đã đến đảo an toàn rồi. Rồi, nhắn bà già gởi thơ từ của ông già qua bên đảo lại. Cách đâu một tháng –

(It was the sixteenth. I already arrived at the camp. I asked my friends who came before me to send my mother a telegraph letting her know that I made it to the camp safely. I also told my mother to send over my father's military documents. It took about a month.)

**Phan:** Vậy là không phải nhận thư của vợ mà là nhận được thơ của mẹ? (So you didn't receive a letter from your wife, but from your mother?)

**Tran:** Chú đánh điện tín về cho bà già, là đánh có mấy chữ: "Con đã đến Phi an toàn" là người nha biết rồi. Sau đó một tháng hai tháng sau bình thường lại rồi chú mới viết thư gửi về cho bên Việt Nam. Trong đó chú trình bày chuyến đi của mình như thế nào. Vợ con của chú rất là mừng.

(I telegraphed my mother with a few words: "I came to the Philippines safely." A couple months later, after everything settled, then I started writing letters to my family. In the letters I told them what I have through during my trip, and my wife was very happy.)

**Phan:** Rồ hồi âm cho chú. (Then she wrote back to you?)

**Tran:** Rồi hồi âm cho chú. (Yes, she wrote back to me.)

**Phan:** Hồi âm cho chú, trong cái thơ nó viết cái gì? (What did she write in her letter?)

**Tran:** Viết là nghe tin anh tin, em cũng lo lắng sợ là như thế nào. Mười mấy ngày trên biển không nghe tin tức gì hết, lại có bão nữa nên tưởng là lật tàu chìm chết. Nhưng mà khi nghe được cái điện tín anh đã đến Phil thì gia đình rất là mừng. Rồi bà xã trình bày rất chi tiết bây giờ đời sống nó đã vậy rồi, hy vọng anh đi vượt biên cuộc sống sẽ thay đổi hơn, khác hẳn hơn.

(She wrote, "I was worry when I heard you left. More than ten days on the sea without any words, and there was a storm going on. I thought you couldn't make it. But when I saw your telegraph that you made it to Philippines safely, the whole family was very happy." Then she wrote in details about the life in Vietnam, and she hope that I could make a better life when I am out of the country.)

**Phan:** So I got deeper into how the letters and everything, you know. I wanted to know what he wrote and what she wrote.

**VanZandt:** Oh. he wrote letters?

**Phan:** Yeah. His first letter was to his mom. He sent a telegram to his mom with only four words in it: I had made it. Well, a couple words in it: I had made it to the Philippines. And that was in the telegram. And so his mother had told his wife that, hey, your husband had made it to the Philippines. And later on, a couple of days later, that's when he was able to write a more lengthy letter telling them to send his records and everything. And his wife did respond with a letter saying that, I'm so happy that you're alive; I thought you had died. I thought your boat had flipped. I didn't know what had happened to you, but I'm really, really happy that you made it to the Philippines. And she just wrote a lengthy letter to him of how life was there.

**VanZandt:** That must have made you feel good—

**Tran:** (shy chuckles)

**VanZandt:** —because I wondered, Mr. Tran, did she feel abandoned, like you had just left her, or was she happy and understood what happened, because she didn't know. I wondered if she assumed that you had escaped.

**Tran:** My wife, she know me not to die. She know me not to die. She very, very happy. And after one month leave Vietnam, Philippine, about one month, two month, and talk story. Me lucky me don't die. (chuckles)

**Phan:** (chuckles)

**VanZandt:** And not just lucky but smart, and knew what to do to survive. So tell me about getting to America. You got the paperwork taken care of. When you found out you were *really* coming to America, getting on that plane, how did you feel?

**Phan:** Khi mà chú được nhận đi Mỹ đó, mình cảm thấy vui mừng phần khởi? (When you found out that you could come to America, did you feel happy and motivated?)

**Tran:** Mình rất là mừng. Khi mà chú đến bên đảo rồi đó, chú ở được đâu 6 tháng. Ba tháng thì chú đã nhận được thư giấy tờ của ông già đầy đủ hết, trong thời gian ba tháng thì phái đoàn nó đến 1 lần, chú vô phỏng vấn. Nó hỏi đại khái lý do gì mà rời khỏi Việt Nam vậy thôi. Chú cũng trả lời cuộc sống của mình vậy vậy, con Ngụy quân Ngụy Quyền vậy đó. Qua được Mỹ chú cũng mừng nhưng chú không biết chú về đâu hết á. Hội nhà thờ bão lãnh chú thôi. Thì cuộc đời chú là – 6 tháng là phỏng vấn đậu, chú mới lên Ba-tan là chú học ESL, CO về đời sống. Là thêm 6 tháng nữa, là đúng 1 năm, chú không có thân nhân ai hết – rồi hôi nhà thờ -

(I was very happy. When I stayed in the refugee camp for six months, in the first three months, I received all of my father's military documents, and I had an interview with the officials who come once every three months. They asked me why I left Vietnam. and that was all. After I came to America, I was happy, but I didn't know where to go. The church congregation sponsored me. I passed the interview within the first six months. Then I went to Bataan(?) to learn ESL for six more months. So it was exactly one year. I didn't have any relatives so the church congregation—)

**Phan:** Vậy chú là đạo tin lành hay đạo chúa? (Are you Baptist or Catholic?)

**Tran:** Chú không có đạo gì hết á. Đại khái là chú không có thân nhân thì hội nhà thờ nó bão lãnh cho chú, rồi chú được đưa về tiểu bao Minnesota. (Neither. I don't follow any religion. I don't have any relatives, so the church congregations sponsored me, then took me to Minnesota.)

**Phan:** So, yes, he was very, very happy to get the news that his paperwork went through and he was going to be selected to come to America. And it was funny.

When we [referring to Ms. VanZandt and Ms. Phan] had came here, he's like, "I'm lucky I got selected to get interviewed"!

VanZandt: Aw, wow.

Phan: Yeah, so he feels his life has been—

VanZandt: Blessed.

Phan: Lucky. Blessed.

**VanZandt:** Oh, that's great. We feel lucky, too [to be with him today]!

Tran: (chuckles)

**Phan:** Very lucky to be here, and to be on your boat today.

VanZandt: Yes, yeah.

**Phan:** But he was very happy at the time when he got the news. He said that he stayed in the Philippines for six months, and he had all his required paperwork, and it was accepted. And for another six months, he took ESL, English as second language, and he studied for six months, and he came to America through a church that sponsored him.

**VanZandt:** Was it the Catholic Church, or do you know which church it was?

**Tran:** Có có đi trong hội nhà thờ Catholic – (*Yes, I did go with a Catholic church.*)

**VanZandt:** Maybe USCC [United States Catholic Charities]?

**Tran:** Từ đó còn đi học, còn xuống đây là không có đi nữa. Xuống đây làm biển rồi. (I was going to school back then. I don't go anymore since I moved here because I started working as a fisherman.)

**Phan:** He said during that time they sponsored him, he was going to church religiously at that time, but since he came down here, he doesn't go anymore. But when he was living in Minnesota, he also went up there.

**VanZandt:** Oh, in Minnesota?

**Phan:** Yeah, when he came here, he was in Minnesota.

**VanZandt:** OK. From the Philippines, where did you land in America, Minnesota first?

Tran: Yeah, Minnesota first. Yeah, first.

VanZandt: Oh, where in Minnesota? What town, do you know?

Tran: Uh—

**Phan:** Ở thành phố nào? (Which city in Minnesota?)

**Tran:** Austin City, in Austin.

Phan: Austin.

**Tran:** nhỏ lắm. (Very small city.)

**Phan:** It's a small city.

**VanZandt:** Well, what was in Austin? The Catholic Church sponsored you there with a family, to live with a family?

**Phan:** Chú ở nhà thờ hay ở với một gia đình nào đó? (Did you live in the church or with some family?)

**Tran:** Không có, chú ở với một đám độc thân, đại khái là mấy người đó đi trước rồi

(No. I lived with a group of single men. They came before me.)

**Phan:** Chú ở trong căn nhà hay ở nhà thờ? (Did you live in a house or in the church?)

**Tran:** Ở trong căn nhà chớ (*In a house*.)

Phan: Chú có mấy người?

(How many people did you live with?)

**Tran:** 5 hay 6 người gì đó. Chú nhớ chú ở 5 người hay nhiều đó. Đại khái là – (About five or six people. I remembered it was about five people.)

**Phan:** Nhà thờ nó trả tiền hả? (Did the church pay for that?)

**Tran:** Không có. Hình như chú qua, nó cho chú chú nhớ là lần đầu tiên là chú được chở đi làm răng làm cộ. Tháng đầu tiên cho chú la 67 đồng tiền foodstamp – chú nhớ

hoài mãi mãi không bao giờ chú quên á. Cái đó là cái kỷ niệm chú nhớ mãi mãi luôn á. Đưa cái tiền foodstamp mà chú đầu có biết tiền đó là tiền gì đầu. Với lại hình như là hai trăm ruõi đồng trên một đầu người. –(Ms. Phan laughs during this exchange) (No. When I came, they took me to dentist. I had sixty-seven-dollar food stamp for the first month, and I always remember this moment. This is the best memory I would never forget. I did not know what food stamp was for, and I remember that it was two hundred fifty dollars for each person.)

**Phan:** He said when he first came to America, he lived in a home with five other people who were also in his same situation, because the church had sponsored them. So they had different people come to take them to the dentist, doctor, and just get some assistance. And he remembered one of the things that stood out till this day is that he got fifty-seven dollars in food stamps and two hundred fifty dollars in cash. But he didn't know what the food stamp was for. He said, "That's what I remember most! I got fifty-seven dollars in food stamps." (chuckles)

**VanZandt:** That's a lot of cash, too, dollars, for that time. Did you feel rich, like you had something? Did that help?

**Phan:** Cái lúc đó thì nó cho tiền đó, chú có thấy giống như mình giàu không? (So when they gave you money, did you feel that you were rich?)

**Tran:** Không đủ sống. (smiles) (*It was not enough for me.*)

Phan: Nooo, it wasn't enough.

VanZandt: OK. (chuckles)

**Tran:** Có chuyện vui là, lúc đó mình lãnh năm mươi mấy đồng vậy đó, cầm cái tiền đó bằng giấy –

(There was a funny story that I was given a paper instead of two hundred fifty in cash—)

**Phan:** (laughter) He's talking about the booklet of food stamps. And he just remembered holding it, and it's paper, and he's doing his hand like he's holding the booklet of food stamps [looking puzzled], and he's just thinking it was so funny. (chuckles)

**Tran:** (speaking with excitement) Uhm, thì lúc đó nó gởi về cho chú thì đâu biết mua cái gì làm cái gì đâu. Rồi mấy người đi trước bảo là ông Tuấn cầm cái tiền này nè, đi ra đó mua. Mà chỉ biết vậy thôi. Mình thấy kỳ kỳ ngộ ngộ, ở Việt Nam mình đâu thấy cảnh này đâu –

(Yes. At that time, I had no idea what it was for. So my friends told me to take that paper to buy food. I found it very strange because I never experienced it in Vietnam.)

## VanZandt and Phan: (laughter)

**Phan:** So he was holding his stack of food stamps, and he said, "What do I do with this?"

VanZandt: (chuckles) I can't eat it.

**Phan:** Yeah, and then the people that came before him, they said, "Well, you can go to the store and get what you want. And then you can give them this." And so it was just a funny moment in his life.

VanZandt: Like a ticket for food.

**Phan:** He just didn't know what it was, and he went to the store, and he did just that.

Tran: Rồi sau đó được 250 tiền check, tiền nhà chia ra mỗi người 5 hay 6 chục gì đó. Như là mướn cái nhà rồi chia nhau ra, rồi mỗi ngày người ta đến chở mình đi học. Lúc đó tình cảm lắm, lúc đó người Việt Nam mình yêu thương lắm, tới chở lấy mỗi người một đồng tiền xăng từ nhà tới trường. Cuộc sống tuy mới qua không biết gì hết mà nó quá tình nghĩa, nó quá vui vẻ luôn. Phải nói là người Việt Nam mà xa xứ, thấy cái cảnh đó là mình nhớ hoài.Người không biết được chỉ, có mấy trăm đồng bạc để trả tiền nhà, hoặc là mua thuốc hút, cuối tuần mua bia. Đại khái là 250 đồng là vừa đủ thôi. Không có khá giả gì hết. Chú ở đâu 2, 3 tháng là chú đi, chú bỏ. Nói về mớ qua bên đó, chú thích người Việt Nam mình phải là quá yêu thương. Lúc đó ai cũng là tị nạn mà, có xe là mừng lắm rồi đó. Có cái xe là chở, chở người kia chở người nọ để mà đi đến trường học. Cuối tuần thì hội Catholic đến chở đến nhà thờ. Rồi đến những chỗ mà trời lạnh quá, không có đủ tiền mua áo lạnh thì hội nhà thờ nó cho mình, để mình sống. Lúc chú qua hình như là tháng 9, đến tháng 12 lạnh quá chú ở không nổi nên chú bỏ chú đi luôn. Chú nghe người ta nói ở đây làm biển thì chú xuống dưới này làm biển luôn.

(Then I had two hundred fifty dollars in check; I shared renting with my friends, fifty or sixty dollars each. We rented a house, and every day there was always a person taking us to school. At that time, people were so nice to each other. Vietnamese people loved each other so much. Each of us paid one dollar for the gas. For me, although everything was very new to me, it was so fun. We were all refugees, so it was so great to have a car. We got helped from the Catholic Church. They gave us coats when it was so cold. I came there in September, and I left in December because it was too cold. I heard that I could do fishing here, so I came here.)

Phan: Dạ.

**Tran:** Thì đó, lúc đó chú mới qua bên đó, có 250 đồng một tháng nói chung là vừa đủ thôi mà không biết cái job gì. Rồi tiếng Anh , được khuyến khích là ráng học cho biết tiếng Anh rồi đi đâu thì đi. Nhưng mà ở Việt Nam chú học tới được lớp 6 rồi thì qua – nhưng nghe tới gia đình con cái chú khổ quá rồi chú nhắm không có thể nào mà tiếp tục học nữa, thì chú liên lạc với bạn bè nghe nói ở đây làm biển, thì chú ở Việt Nam

có làm biển rồi, chú bay xuống đây làm biển luôn. Từ đó chú sống ở đây luôn, không đi đâu nữa hết. Chỉ đi chơi ở các tiểu bang khác thôi. – Nếu mà các các của chú không bị bịnh, chú tiếp tục đi học là cũng đỡ lắm đó. Mà xuống đây là biển, bỏ hết, quên hết rồi – (laughter)

(So, two hundred fifty dollars for one month was just enough. I had no job. I could not speak English, so I was encouraged to study English before I left there. I finished sixth grade in Vietnam, but my family was too poor and miserable, so I decided to quit studying and find a job. So I contacted with my friends here. They said I could come here and become a fisherman, then I came. I've been here since then. If my children were not sick, I could have been able to study further. My life could be better.)

**Phan:** Yeah. So he said his life in America, his first moment of America was really beautiful. The people were very helpful, and they just gave and gave and gave to him, like everything. He didn't know anything. And from transportation to taking him here and there to buy groceries, it was just, people were just so giving in America. And that's his first experience of America. But soon after, he went to school, and the people in church that sponsored him, they said, "Just stay in school and get your education and just learn the American language before you go anywhere." But of course he had friends, and they told him about Biloxi, Mississippi, and how he could be able to go fishing again. And so he bought a plane ticket, and he flew to Biloxi, Mississippi, to fish.

**VanZandt:** So that's how you got here to the Coast. Did you know anyone already here?

**Phan:** Chú có quen thân ai ở đây không? (Did you know anybody here?)

**Tran:** ở đây thì người ta nó dưới đây làm biển. Chú có quen một người, người ta kêu chú xuống, kêu đi máy bay. Từ khi biết xuống đây làm biển, lãnh 250 đồng một tháng, chú gom được mấy trăm đồng bạc, chú mua vé máy bay xuống dưới đây. Xuống dưới đây người ta ra đón chứ mình – vậy thôi –

(I knew one. He asked me to come. I went here by plane. Since I knew I would come down here, I saved few hundred dollars from two hundred fifty dollars every month. I bought a ticket to come here. And my friend picked me up.)

**Phan:** Đi biển vậy chiếc tàu nhỏ hay lớn? (So was it a big boat or a small boat?)

**Tran:** Chiếc tàu đó cũng lớn. Bề dài cũng 55 feet. Rồi xuống đây tháng 3 năm 1988 h (*The boat was quite big. It was fifty-five feet long. It was on March, 1988.*)

**Phan:** It was March 1988 when he came to Biloxi, Mississippi.

**Tran:** (Vietnamese not translated)

**Phan:** So he said he saved up enough money to buy his plane ticket to come here. He had one friend here, and that's who he worked for. And when he came off the plane, they were here to pick him up, and he just started working.

VanZandt: Started fishing. Shrimping?

**Phan:** And the boat was maybe fifty-seven feet.

**VanZandt:** Fifty-seven feet. Oh, good size. Can we take a quick break, real quick?

Phan: Sure.

(brief interruption; end of audio file part 1 of 3; beginning of audio file part 2 of 3)

**Tran:** chụp ngay chỗ Đồ Ha –Rock(?)–

**Phan:** Cũng giống chỗ Nha Trang ha.

**Tran:** Mà ở đây nó dơ hơn nó không có đẹp đâu. Tại vì ở đây là đảo, mà toàn là cát không à. Mà ở Việt Nam cháu biết ko là nó đẹp lắm. Là nó có những hòn đảo nó nổi lên, chú có hình đây hết chứ bộ, chú quay phim hết gia đình luôn chứ.

**VanZandt:** What did you say?

**Phan:** Oh, I took a picture of Biloxi Beach, and I said, "Is it anything compared to Nha Trang?" And he said, "No. Nha Trang is way better."

VanZandt: (laughter)

**Tran:** (chuckles) When you see, come back to Vietnam, you see, you travel to Vietnam, very, *very* nice.

**VanZandt:** Yes! And see (referring to photo), you have the *mountains* in the background *and* the beach, and the water there is bluer and clearer.

**Tran:** Yeah, yeah. Because in the South Vietnam, the water not blue, a little bit blue. And Nha Trang, island, OK? Island, the island. And the soil, and ocean blue; very, very nice.

VanZandt: Yes, beautiful.

**Tran:** I tell you because I am the young boy.

**VanZandt:** Yes, you remember.

**Tran:** Yeah, I remember, young, the Vietnam. I go to island. I fish and I work and sometimes the friends, and the summer.

VanZandt: Yes, so much fun.

Tran: Yeah.

**VanZandt:** With friends. You have good memories, don't you?

**Tran:** Yeah. I always remember; don't forget, Vietnam now. American, I lucky don't forget; I remember. And the Minnesota and the food stamp (laughs), yeah. I have the food stamp. I don't know, "What do you do?"

VanZandt: (chuckles) Yes!

**Tran:** The friend help me buy the food, "You can see. OK? Oh, you don't know!" (laughs) I always remember because I like live in Minnesota.

**VanZandt:** It was very cold in Minnesota.

**Tran:** Yeah. I live with people. You study English; you talk, OK. But because my family, my daughter, she sick. My wife tell me, "Help the money." I don't continue to study. I can talk to my friend, "Help me; I work [as] fisherman." I work. I help money, send to Vietnam.

**VanZandt:** Send money to Vietnam.

**Tran:** Yeah. Now I see a picture, my daughter, OK. Don't have the money, she die.

**VanZandt:** So they depend on the money you send.

**Tran:** Yeah, yeah, money. I work money to send my daughter and go in hospital.

**VanZandt:** She's sick? Your daughter now? (asks Ms. Phan for help with interpretation)

**Tran:** Ý chú là lúc nó còn nhỏ, nếu chú mà không đi làm có tiền là nhỏ này nó chết. Nó bịnh về gan là nó chết đó.

(I mean, when she was younger, if I could not find a job and earn money to save her, she could have died because of liver disease.)

**VanZandt:** His daughter, he was telling me about sending money, and I think he said his daughter is sick.

**Phan:** Chú kể tiếng Việt đi rồi cháu dịch cho – (You can keep speaking Vietnamese, then I will translate for you.)

(phone rings; brief interruption; end of audio file part 2 of 3; beginning of audio file part 3 of 3)

**Phan:** (Vietnamese not translated)

**Tran:** thì chú kể đó, là chú may mắn được qua Mỹ, có cái tiền foodstamp đó, thì chú ko bao giờ chú quên đó. Nhưng nếu nói về vấn đề chú bỏ học là ở trên đó, là con chú nó bị bịnh, rồi ở Việt Nam nghèo quá không có tiền để mà đi tới bệnh viện. Rồi chú liên lạc được một số bạn bè, là xuống dưới đây, rồi chú được làm biển. Rồi chú có tiền rồi chú gửi về Việt Nam, con của chú được đi tới bệnh viện, nên ngày hôm nay nó sống được là mình cũng rất mừng rồi. Thượng để ban cho mình chứ không là nó chết rồi. Bây giờ chú nhìn hình hai vợ chồng với hai đứa con, chú thấy vậy là quá vui vẻ rồi. Đời sống cũng không có gì là thay đổi –

(My child was sick, but my family was so poor, so she could not go to hospital. So I found a job to send money back to Vietnam to save her. She went to hospital, and now she is still alive, and I'm so happy about it. God helped us, or else she'd die. When I see pictures of my family, I feel so happy.)

**Phan:** Mà nó bị bệnh gì? (So why was she sick?)

**Tran:** Bệnh sơ gan gì đó lúc còn nhỏ đó. Đại khái là – (Her livers were sick.)

**Phan:** Lúc đó chú phải có tiền đặng gửi về? (So did you have to have money to send back to Vietnam?)

**Tran:** Uhm, phải có tiền để gửi về chứ, nếu không gửi về đâu có được đi vô bệnh viên –

(Yes, I had to get money to send her, or else she would not be able to go to hospital.)

**Phan:** Lúc đó là chú ở Minnesota hay ở Mississippi? (So were you in Minnesota or Mississippi?)

**Tran:** Lúc đó chú ở Minnesota. Nghe con mình bệnh vậy chú không thể tiếp tục học được nữa. Chú phải tìm mọi cách liên lạc với bạn bè để mà chú làm biển. Mình chỉ biết làm biển thôi, ngoài ra mình không biết làm gì nữa hết. May mắn là chuyến đầu tiên được mấy trăm bạc là cũng gửi về cho vợ con mình để mà có tiền bác sĩ, còn không tiền là chờ chết thôi. Việt Nam là vậy thôi cháu, nếu mà không tiền là chờ chết thôi. Không có làm gì hết á.

(I was in Minnesota. I heard that my child was so sick that I could not continue studying. I contacted with my friends in order to do fishing. I just can only do fishing. I cannot do anything else. I was lucky to have few hundred dollars to send to my family to take my child to doctor. In Vietnam, if you don't have money, you will not get treated at all.)

**Phan:** So his daughter had kidney problems. So he said he was fortunate to be in America and had some money to send back to her so that she could get treatment. But during that time he was in school, and he couldn't focus in school because he heard that his daughter was suffering. And he quit school, and he went down to Mississippi so he could make money to support his family.

**VanZandt:** When was that? That was when he was in Minnesota?

Phan: Yeah.

**VanZandt:** What kind of school did he go to?

**Phan:** Lúc đó chú đang đi học trường gì? (What school were you going to?)

**Tran:** Chú được sắp xếp học ESL thôi.Vô đi học để cho biết rồi – chú nói thật chú cũng cố tình chú học để mà đi – mà mấy bà sơ đâu cho đi đâu. Bà sơ bả nói là mày đừng có nên đi, mày phải học cho biết rồi mày hẵng đi. Nhưng mà hai đường để chọn, một nếu là đi học lợi ích cho mình thì con mình nó sao? Không tiền nó không đến bệnh viện thì bắt buộc nó phải die thôi. Còn nếu xuống mình giải quyết cho mình, mình chịu cực đi làm có đồng tiền thì mình gửi về cho con mình. Nhưng thượng đế, nó hết binh nên cũng đỡ cho nó. Bây giờ -

(I was going to ESL. There was a nun told me not to leave before finish studying English. But I did not have any option. I had to save my daughter, so I decided to give up my chance. I found a job to save money to send her to hospital. She is now very healthy, so I am so happy.)

**Phan:** Bây giờ chú cũng có tiến gửi về cho nó – (Do you now still send her money?)

**Tran:** Ở. Ngày càng thấy nó lớn lên, nó càng xinh đẹp. Trong lòng cảm thấy rất là mừng.

(Yes. She becomes more beautiful, so I'm so happy.)

**Phan:** He said that he had two choices, whether he was going to stay in school and stay there, and it would be good for him. But if he came here, made money to send back to Vietnam, then it would be good for her because he didn't want her to die. Because if he had no money, she could not get no treatment. And so he said he thinks he made the right decision, even though the ladies at the church said, "No, don't go." But he felt like he made a good decision when he looked at his daughter, and she's tall, and she's beautiful.

**VanZandt:** Healthy and beautiful. And she's OK now.

**Tran:** Yeah, yeah, OK now.

**Phan:** And he's glancing over at the picture of him, his wife, and his two children, and he's glad that he made that decision because today she is alive.

VanZandt: Absolutely.

**Tran:** Câu chuyên chú muốn kể là, mình còn sống, con cái như vậy mình cảm thấy rất là vui mừng. Tuy rằng tụi cháu không có phải thành đạt gì cho lắm nhưng mà cũng nghe lời cha mẹ. Đời sống như vậy cũng thấy là - ở cái tuổi này vậy là cũng mừng lắm rồi. Đó là chú thấy rất là hay, rất là mừng ở chỗ là dòm con dòm vợ, về bên đó 4 tháng cũng được vui vẻ thôi. Đời sống như vậy là quá vui vẻ rồi.

(Although my children are not really successful, but they are good kids, and I feel quite satisfied. I am still alive and healthy, and I am able to visit my family for four months every year. I think it is so happy.)

**Phan:** He said he's very proud of his family, and when he does go back over there, he's very happy that they all can be together.

**VanZandt:** I'm so glad she's OK, Mr. Tran.

Tran: (chuckles)

VanZandt: And I'm looking out at the water, too, as you look at your family, and I'm thinking how he depends on these Gulf waters for his livelihood, to help his family have what he wants to give them in Vietnam. And the restaurants here depend on that shrimp, and what you bring. And Mr. Gollott [seafood processor whom he sells to], you know, this chain of the market out there that depends on these waters. So let's talk about the fishing life here, as we sit in this boat. Can he just talk about the early days shrimping here, and kind of—over the years I know it's ups and downs.

Tran: (chuckles) Yeah!

**VanZandt:** Good years, bad years.

Tran: (laughter) Yeah, yeah, yeah.

**VanZandt:** And maybe in there he can begin talking about [Hurricane] Katrina and then the oil spill. But just what the fishing life is like here, very different from in Vietnam.

Tran: Yeah.

**VanZandt:** The boat is different, the way you fish is different with your nets, than in Vietnam. Just anything you'd like to share about fishing here on the Gulf Coast and learning how to fish here; rules, regulations.

**Tran:** Đại khái là sau bão Katrina thì đời sống - (*After Katrina storm*—)

**Phan:** bà nói ngày xưa chú đi biển ở đây chú so sánh với ở Việt Nam, thì ở đây khác chỗ nào so với Việt Nam?

(She asked that whether there is any difference between doing fishing in Vietnam and in USA?)

Tran: ở đây phải khác hơn chứ cháu. Ở đây thì đầy đủ tiện nghi hơn. Trên chiếc tàu nó có đầy đủ hết như là có máy đèn chạy điện rồi nó xuất ra – TV, điện cộ, rồi linh tinh – nói chung là trên tàu đầy đủ tiện nghi không có thiếu cái gì hết. Rồi ăn uống , bắt cứ cái gì mình cần đi biển mình mua là nó cũng đầy đủ hết. Chỉ là đi ra mình cần cù mình làm sao cho giỏi để kiếm được con tôm nó dưới nước á. Mình kiếm được nhiều là mình mừng thôi. Còn Việt Nam thì cũng giống như vậy nhưng mà tàu bè đâu có đầy đủ phương tiện đâu. Thiếu trước hụt sau, dung bằng cái sức lao động là chính, không được giống như bên Mỹ đầy đủ tiện nghi như là làm cái gì cũng bằng máy móc. Việt Nam vẫn khổ lắm. Vấn đề ăn uống cũng không có được đầy đủ và tiện nghi cũng không có cái gì hết á. Ở đây là đầy đủ hơn, còn Việt Nam là không đầy đủ. Thiếu trước hụt sau. Đại khái là vậy đó. Ví dụ, một chiếc tàu mình ra biển, có máy đèn, mình chạy điện, mình chạy máy lạnh. Ngủ mình coi TV hay là bất cứ một thứ gì đại khái rất ok. Ở Việt Nam là chỉ có máy chạy thôi, làm gì có máy đèn, máy cộ để mà đầy đủ như là ở bên Mỹ này. Thành thử ra cái việc làm không có máy móc, còn cái sức lực thì qúa nhiều hơn.

(Oh, it is so much different in here. I have much better equipment. We have generators on boat. We have machines help to operate the functions inside a boat, like I can watch TV; I can have a fridge. The machines also help me with the net. The food is also much better. However, in Vietnam, I did not have either of that. I used to do everything by my strength and my bare hands. It was very difficult, and it required much hard working.)

**Phan:** He said compared to Vietnam, over here we have generators and machines that help to operate the functions inside of the boat, like I can watch TV if I wanted to. And my fridge runs on it, and the machines in the back that helps him him pull up the nets. But in Vietnam we didn't have any of that. So it's definitely better here.

**VanZandt:** All by hand over there.

**Tran:** Yeah. Vietnam, the people work in the hand, and the power. Not the same American, and the roll and the wheel.

VanZandt: Right.

**Tran:** Yeah. And very, very, very, in Vietnam very tired.

**VanZandt:** Tiring, hard work.

Tran: Yeah.

**VanZandt:** Did you have your own boat, Mr. Tran, in Vietnam?

**Phan:** Hồi xưa là chú có chiếc tàu riêng ở Việt Nam không? (When you were in Vietnam, did you have your own boat?)

Tran: Không. Chú đi làm công cho người ta thôi.

(No. I worked for other people.)

**Phan:** He said deckhand.

**Tran:** Deckhand, yeah. I work as deckhand, fishing. Not the money (laughs).

**VanZandt:** Sure, so you must be very proud to have your own boat here.

**Tran:** Yeah, because I think I live American, have money, to pay the owner of the boat Vietnam, not owner (laughs) deckhand.

**Phan:** He's saying, deckhand, not a lot of money. But being an owner, more money.

**Tran:** Đúng rồi cháu tại vì ở Mỹ làm chủ mới có tiền, về Việt Nam làm sao được cháu? – Làm sao có điều kiện? Thí dụ cháu muốn làm một chiếc tàu. Thì ở Mỹ, cháu có thể mượn nhà băng, có good credit, rồi những gì chú cần. Còn ở Việt Nam lấy gì đâu mà cầm? Có cầm đi nữa thì cũng là nhà của cha của mẹ để lại, lấy cái nhà thì anh em cũng đâu có chịu? Nói chung là khó có điểu kiện để làm chủ lắm. Chỉ làm công cho người ta thôi, khó làm chủ lắm. Thời đại ngày nay, bây giờ, ở Việt Nam thì đâu có ai muốn làm biển đâu cháu. Tại vì, bắt là muốn diệt chủng rồi đó. Nhỏ lớn gì cũng bắt, con gì cũng ăn hết thì lấy cái gì đâu mà có?

(Yes, that's right. In America, you can be rich if you are the owners. You can't do that in Vietnam. For example, in America, [if] you want a boat, you can borrow from a bank if you have good credit. But in Vietnam I have nothing, so it is very hard for me to borrow money from a bank. It is much harder than here to have a boat, so that is why I used to work for other people. Moreover, in Vietnam, not a lot of people want to do fishing anymore because the resources become depleted.)

**Phan:** In Vietnam, being a deckhand it's very, very hard for you to climb the ladder to be the owner of a boat. There's not an opportunity because you make very little money being a deckhand.

**VanZandt:** I see. OK. Thank you for clarifying.

**Tran:** Uh-huh, yeah.

**VanZandt:** And so when you moved here in 1988 to Biloxi, did you start out as a deckhand? Talk about eventually getting your own boat, how that happened.

**Phan:** (Vietnamese not translated)

**Tran:** (Vietnamese not translated)

**Phan:** 1998.

**Tran:** (Vietnamese not translated)

Phan: March.

Tran: March, March, I come here.

Phan: Yeah.

**Tran:** tháng three. Unil half May, khi Louisiana, nó mở hồ thì mình đi làm thôi, làm ở đó được mấy năm, cũng là đi làm công. Sau này, chú cần cù, chú cũng có, chú kiếm chiếc tàu rồi, chiếc tàu này nè –

(In March, until half May. When the state of Lousiana open the lakes, that is when I start working. I used to work for other people for several years. I saved an amount of money; I bought a boat, this boat.)

**Phan:** Chiếc tàu này chú mua hồi năm mấy? (When did you buy this boat?)

**Tran:** Mua hồi 93 hay 94 gì đó, tới bây giờ luôn. Chú thấy làm một mình như vậy là thấy đầy đủ rồi, chú không muốn bon chen. Chú sống đại khái là thấy một năm cũng kiếm được mấy chục ngàn –

(Around [19]93 or [19]94, until now. I think working along like this is enough. I don't work to compete with anybody; I can earn couples of ten thousand dollars.)

**Phan:** Để chấu thông dịch lại một chút. So I came here in March 1988, to Biloxi, Mississippi. And I worked for a family, their boat, in the Louisiana waters in May. And I saved up money from 1988 to 1993 was when I got my first boat.

**VanZandt:** How did that feel to finally—

**Phan:** And this is the boat.

**VanZandt:** And this is the boat, the *Sweet Mary*.

**Tran:** Yeah. (smiles proudly)

**VanZandt:** And how did that feel to get your own boat?

**Tran:** Chú rất là thích chiếc tàu này.

(I really like this boat.)

**Phan:** He really, really likes this boat.

**Tran:** Yeah. Tại vì nhiều cái thấy nó may mắn lắm. Đại khái là, long time I work, I think I lucky.

(It brought me a lot of luck.)

**Phan:** It's a lucky boat for him.

**Tran:** Nó rất là may mắn đại khái là chú thấy vậy chú đi ra – (*It was very lucky.*)

**Phan:** làm nó không có hư – (*Is it never broken down?*)

**Tran:** làm nó không có trục trặc gì hết. Với lại cái thuyền có duyên số với mình lắm hay sao đó. Chú cũng mấy lần tưởng nó chìm rồi nhưng mà nó lại không chìm, mà nó cứ may mắn đến với mình hoài nên chú giữ hoài thôi.

(It is very good. I think it is a fate for me to meet her. I thought it would sink a lot of times, but it did not. Then luck came to me a lot, so I keep it.)

**Phan:** chú nghĩ là nó sẽ chìm mà nó không có chìm? (So you thought it would sink, but it didn't?)

**Tran:** Có nghĩa là đại khái là khi gặp những con lốc con bão, thấy nó muốn chìm rồi đó nhưng ngược lại nó không chìm. Nó còn duyên với mình. (laughter) (It means that when there was a storm, I could tell that it was sinking, but it did not.)

**Phan:** He described *Sweet Mary* like, like uh, it's fate to meet her. (laughter)

**VanZandt:** Fate to meet her? (chuckles)

**Phan:** Yeah. And she's very lucky and passed many, many storms. And at times when I think that she's going to sink—he refers to her as, that it did not sink. And it's a very, very lucky boat. And it must be fate that it belongs to me, so I'm going to keep her. (chuckles)

**VanZandt:** She's stayed with you in—

**Tran:** Yeah. And after Katrina, my boat small, and up the high tide—

VanZandt: Yes, tell us about Katrina.

**Tran:** Katrina, now, I forget; I lucky, but (unintelligible) my boat, not go down.

**Phan:** He's saying during Katrina, the high tide went up, and he thought that this boat was going to sink, but it didn't.

**VanZandt:** It made it through. Where did he go—

**Tran:** Ý chú muốn nói là, trong bão Katrina, chú nghĩ là tàu chú chìm rồi. Nước lên cao lắm, nó đưa chú lên cao lắm. Nghĩ là nó chắc là phải chìm rồi. Có mấy chiếc đậu ngang cùng với mình đã chìm rồi. Thuyền của mình nhỏ hơn, chú lật đật xách đồ chú đi lên , lấy quần áo giấy tờ qua chiếc tàu khác, chú bỏ qua chiếc tàu khác. Ngược lại chiếc tàu của mình không chìm mà chiếc tàu mình bước qua lại chìm. Sau qua nước dâng đưa lên cao, chú nghĩ là mình bỏ của mình thoát cái thân mình. Từ đó chú kéo nó xuống lại , và bây giờ chú thấy giống như là nó có duyên với mình. Mình đã muốn bỏ nó rồi, ngược lại nó lại không chìm.

(During Katrina storm, I thought my boat would sink. The water increased so high, and it also brought me up high. I could see other boats sinking. My boat was much smaller. I thought it would sink, so I was prepared to leave to other boats with all my papers and necessary things. However, other boats sunk, not mine. I intended to leave it, but it did not leave me.)

**Phan:** Yeah, there were times during Katrina where he thought he was just going to leave this boat alone, but it didn't sink. And he just believes that it's good for him.

**VanZandt:** Could he tell his Katrina story? Was he in his boat? Did he take it to Back Bay like so many others?

**Phan:** Cơn bão Katrina, chú đi đâu chú đi đâu? Chú ở dưới tàu-? (During the Katrina storm, where did you go? Were you on the boat?)

**Tran:** Chú ở dưới tàu luôn – Chú vô Exit 38, chú đậu trong đó đó, khi – (*I was on the boat. I took Exit 38 and parked there.*)

**Phan:** Chú có cột chiếc tàu không? (*Did you tie your boat?*)

**Tran:** Cột chứ, ba bốn chiếc lận .Bốn chiếc cột hàng ngang vậy nè. Bão tới, mấy chú cũng ở dưới tàu, rồi từ từ nước nó dâng lên thì mình nới dây cho nó cao lên. Mà bão tới mạnh quá, mày tàu kia nó ép xuống, thì mấy cái tàu kế bên chú là chìm, ba chiếc chìm. Chiếc của chú tưởng nó chìm rồi mà nó không chìm. Nước nó dâng lên dâng lên đưa lên luôn. Lúc đó là chú nghĩ là thoát thân thôi chứ, nghĩa của còn là cái gì nữa đâu. Mình lo mình lấy giấy tờ thoát thân qua tàu khác. Nhưng ngược lại mấy tàu khác chìm mà chiếc tàu này nó không có chìm. Nó lại lên cao vậy đó.

(Yes, I tied four boats together. When the storm came, I was still on the boat. The water kept increasing, and it brought my boat up high while other boats could not stand the water, then they sunk.)

Phan: Vậy mấy cái tàu kia không ai chìm hết à?

(So they all sunk?)

**Tran:** Chìm hết chứ. (All of them.)

**Phan:** Chìm *hết*? Chỉ còn mình chú thôi? (All of them? Just only your boat didn't?)

**Tran:** Tại nó nhỏ quá đó, nó dâng lên cao. Còn mấy chiếc tàu kia to, nó chìm hết. Nó đụng vô cái chân cầu đó, nó chìm. Chiếc của chú thì không chìm mà nó dâng lên cao cao cao.

(Because it was too small, it moved up when water increased while other big boats hit the bridge, so they sunk.)

**Phan:** Vậy mấy chiếc tàu kia chìm rồi, mình cột dây -? (But you tied your boat with other boats, so?)

**Tran:** Thì mình phải mở dây, mình phải cắt dây để - (So I untied them.)

**Phan:** Rồi mấy người kia có bị chết không? (Did anyone die?)

**Tran:** Không ai chết hết á. Chiếc tàu này chìm rồi thì bước qua tàu khác, rồi cứ bước qua bước qua tiếp. Nói chết thì không chết đâu, chú nghĩ khi nào mà cây cối đánh xuống trúng là chết thôi chứ còn –

(Nobody. They just moved from sinking boats to others. People would die if trees fell into them.)

**Phan:** Rồi mấy người kia là qua bên tàu chú hết? (So all people jumped to your boat?)

Tran: Ở, thì qua bên tàu chú nè. Xong rồi, tàu chú bị dâng lên cao quá, mấy người kia cũng sợ quá nên phóng qua tàu khác. Ví dụ, như là tàu chú đậu đây, rồi thằng bạn chú đậu đây, ba chiếc này đậu ở đây, mấy người khác đậu trên đây. Khi mà bão, anh này ở dưới chân cầu nè, anh đụng ảnh chìm. Tới phiên chú, lúc đó chú mở dây cho nó dâng cao lên, rối không cho nó dính vô trong đó nữa, thấy mấy chiếc sau chìm. Còn tàu chú nhỏ, nhẹ nó cứ thế đưa lên cao luôn. Rồi xong. Rồi chú lấy đồ lấy đạc bỏ chiếc tàu luôn. (laughter) May mắn là vậy đó. Mấy chiếc kia chìm mà chiếc của chú lại không chìm. Qua bão rồi, chú lật thế chú dắt nó xuống luôn. Coi như là không hư hao gì hết á. Nó chỉ là bể chút đỉnh vậy thôi, nên chú thấy chiếc tàu này nó quá là may mắn.

(Yes. However, my boat was brought so high, then they all left. Then I took my stuff and left, too.)

**Phan:** Yeah. So during Katrina, he went to Exit 38 with many other boats. And he was tied to four other boats, and all three of the other boats sank. So during that time when the high tide came up, he had to cut off the ropes that were tied to his boat, and they'd sink, and all the other captains and their people had to come onto his boat.

**VanZandt:** Oh, my goodness.

**Phan:** And so that's the reason why he said this is a good boat. She's been good to me, so I'm going to keep her. (chuckles)

**VanZandt:** So you were tied to these other boats. They sank, so you had to cut the rope.

Tran: (chuckles) Yeah.

**VanZandt:** And you were on your own then.

**Tran:** Yeah, because in the four boat, just me, and the high tide, the high tide, and the wind, the wind on the boat—

VanZandt: Pushed you.

**Tran:** Yeah. And down, down, just me, just me, I cut the rope, I cut the rope, and high tide. And now, I don't know. I should can die. I should can die. Có nghĩa là, khi chú lật đật lấy đồ chú bỏ đi, chiếc tàu này nó nổi lên – qua cơn bão rồi thì nó chỉ nằm trên cao thôi chứ nó không bị gì hết á. Sau qua bão, làm thớ chú kéo chiếc tàu xuống lại. Chú dắt nó xuống làm bình thường không bị hư hao gì hết. Từ đó chú nghĩ là chiếc tàu kỷ niệm với mình quá nhiều.

(After the storm, there was no damage to my boat, so I think this boat has so memories with me.)

**Phan:** He had a lot of memories with this boat and—

**Tran:** Chú sẽ không bao giờ quên chiếc tàu này hết á. Như chú nói là dĩ vãng tuổi thơi, rồi trên đất Mỹ này cũng có cái dĩ vãng – là cái bão Katrina, là chiếc tàu này nè. Biết bao nhiêu tàu chìm, nó nhỏ vậy mà nó lại không chìm.

(I will never forget this boat. All the memories during childhood, the first time coming to America, then Katrina and then this boat. I thought it would sink, but it didn't.)

**Phan:** Chú có bao giờ nghĩ là ông Trời ống thương chú không? (Have you ever thought that God loves you?)

**Tran:** Có chứ phải nói là thượng để - Trong tâm chú nghĩ lúc nào cũng thấy ở trên như là thượng để ban cho mình rất là may mắn. Chứ cuộc đời chú mà không may mắn thì chú nghĩ là 15 ngày trên biển thì cũng đã thơ thảng rồi. Rồi qua bên đảo mình thấy mình may mắn, ở có mấy tháng, đúng có một năm là được qua Mỹ. Người ta đâu có

được may mắn như mình. Rồi cũng gặp an hem người Việt Nam rất yêu thương nhưng tại vì con của chú, chú phải bắt buộc chú về đây chú làm biển. Mà chú về đây chú làm biển thì nói chung an hem rất là yêu thương. Cộng đồng người Việt sống ở đây rất là vui vẻ không có cái gì hết. Từ đó chú nghĩ là chú bám biển mà sống thôi. Nghĩ là cuộc đời chú về sau này cũng chỉ có làm biển thôi , chứ ngoài ra cũng không biết làm gì hết. Năm nay cũng gần 50 tuổi rồi, thì học thì đâu có vô, nên làm gì thì cũng chỉ bằng sức lao động thôi. Khi nào mà chú không làm biển được nữa thì chú retire thôi. (Yes. I always think that there must be something helping me and giving me luck. If I didn't have that luck, I could have died during fifteen day trip to escapes, then I did not waste many time to go to America. I was lucky to meet good Vietnamese people here helping me. People here are very good. I'm too old to study again, so I will work until I get tired.)

**Phan:** So he just talked about how—I asked him first, "Do you think that it was God's protection, or was it more the boat?" And he said, "Of course, it was God's protection." And so he summarized everything he went through from Vietnam to here. And then finding the Catholic Church, and, yes, he feels like, yes, it's God that's by my side. And like even to this day, "I'm a fisherman, and I just don't want to do anything else besides this. Although I had a decision to stay in Minnesota or here, you know, I'm fortunate enough to meet really good people in Minnesota, but I also met some really good people here. And the lifestyle here is just really nice. I try to picture myself doing other things, but I can only see myself doing this. I enjoy this a lot."

VanZandt: I can tell.

**Tran:** (laughter)

**VanZandt:** (laughter) And I was just thinking about the name of the boat, *Sweet Mary*, and Jesus' mother, Mary.

**Phan:** Awww. (chuckles)

**VanZandt:** And I thought about that connection. I wondered about that—

**Phan:** Bả nói cái tên của chiếc tàu là Sweet Mary giống như là tên của mẹ chúa Je-su vây đó. Giống như là chúa phù hô cho chú vây đó.

(She said that the name of the boat is like the name of Jesus' mother. It is like God is blessing you.)

**Tran:** Ah, ah. Chú nghĩ đúng đó, nghĩ là - nói thẳng là Thượng Đế ban cho mình vậy thôi. Nếu mà không có Thượng Đế ở bên mình thì cái bão Katrina chú nghĩ là là chú die rồi. Chiếc tàu của chú nhỏ, rồi tất cả bạn bè đều không thấy chú Tuấn nữa, nên nghĩ là bị dìm chết rồi. Nhưng mình may mắn là mình không bị sao. Phải nói là thượng đế ban cho mình là quá may mắn. Khi mà chiếc tàu của chú được dâng lên cao trên ngọn đèn, giống như nó đang nằm trên ống bô vậy đó, mà chú lật thế chú kéo xuống. Chứ không phải là – chú chặt cây chú kéo xuống.

(Yes. God must be blessing me. Without God, I could have died during Katrina hurricane. My friends' boat all sunk, but mine is still OK. When my boat was brought up higher than the light, so I had to chop trees to bring it back down.)

**Phan:** Vậy cái tàu này nằm trên cái cọc -? (So it was stuck on a stick?)

**Tran:** uh, nằm trên cái mô đất, trên cao hết luôn. Khi nước lên cao mười mấy chục feet là cháu biết không nó lên tới mặt đất luôn.

(Yes. It was on a very high place.)

**Phan:** Vậy nó bị dính lên trên cái cây – (Was it on a tree?)

**Tran:** Ò trên đám cây, đại khái vậy đó cháu. (Yes, it was like that.)

**Phan:** OK. So he went back to during Katrina and talking about faith and God, and how his life has been saved. He thought he was going to die in Katrina, but, yes, of course it was God. And then he mentioned when the water had risen up, his boat was actually stuck on the cliff. And he looked outside [during the interview] to compare it to the dock right there [outside the window on his boat], and it's high up.

VanZandt: Right. It was higher, the water.

Phan: High up.

**Tran:** Yeah, the water, water—

**Phan:** His boat was on land.

**Tran:** —about thirty-five feet.

**Phan:** You know, by the time the water—

**VanZandt:** Ah, thirty-five feet?

**Tran:** Yeah, the high tide.

**Phan:** By the time the water had came down, his boat was still stuck.

VanZandt: Was still stuck.

**Tran:** Yeah. Lúc đó chú được may mắn, về đây thấy tàn mạt hết rồi, xe cộ tan tành hết. Chú vô đó là chú chặt cây. Nếu chờ tụi Ốt Ca đại khái là nó cũng – mà giờ mình không có chỗ ăn chỗ ở, mình không biết đi đâu hết, giờ mình lập thớ mình kéo nó

xuống được thì mình còn tiếp tục ở nữa. Còn nếu không được nữa thì mình bỏ tiểu bang này mình đi tiểu bang khác.

(I was very lucky. Everything was terribly destroyed; cars and houses were all gone. I had no places to go, so I decided to bring it back down, then I could live in it. Or else I could move to another state.)

**Phan:** Ủa sao mà chú kéo mình ên hay có người giúp? (Did you do it by yourself, or you have anybody help?)

**Tran:** Có người giúp chứ. Bạn bè tới cũng giúp chứ. (My friends helped me.)

**Phan:** OK. So whenever it was stuck, he went out there with some tools, and he cut down the trees around it. And then a group of his friends was able to bring the boat back into the water again.

**VanZandt:** What kind of damage did it sustain?

**Phan:** Có bị hư hại cái gì không? (Was there any damages?)

**Tran:** Có chứ. Cũng hư chút đỉnh. (Yes. A little damages.)

**Phan:** There was just a little.

VanZandt: Just a little.

**Tran:** đại khái là nó hư, nó bể chút đỉnh – nhưng chú thấy thượng đế ban cho mình quá may mắn. Nó không có bị chìm, làm mình không có gì trở ngại hết á. (There was little damage. I believe God has helped me too much. My boat did not sink, and I had no obstacles.)

Phan: Yeah. Yep. He said, "I'm truly blessed."

**VanZandt:** And did you live on this boat? Does he have a—

**Phan:** Rồi sau đó, mình ở đây hay có chỗ khác mình ở? (Did you live another place?)

**Tran:** Không, đại khái là chú dắt xuống, rồi nhà cửa tan tành hết rồi chú ở với cái tàu này luôn.

(No. I live in this boat because my house was destroyed.)

**Phan:** He lived here.

**VanZandt:** He lived on this boat. So he *really* depended on this boat.

**Tran:** Uh-huh. Chú ở đó chú đi làm Casino, đại khái là làm Hard Rock, dọn dẹp. Nó là vậy đó, khi nó bão, không chìm tàu, có chỗ ăn chỗ ở còn hơn là – với lại cuộc đời chú nói giờ cũng không biết đi đâu, bạn bè thấy phiền phức. Với lại cuộc sống của chú, chú nói thẳng là chú cũng không thích –

(I can work for casino, do clean up or searock. When storm was gone, I still had my boat. I did not want to ask my friends for help. I prefer living in this boat.)

**Phan:** (chuckles) He says as long as he has his boat, he still has a home.

**VanZandt:** Yeah. This boat means so much.

**Phan:** His boat means a lot to him.

**VanZandt:** That's an incredible story, Mr. Tran. That you didn't sink; you were able to make it, and it wasn't damaged very much. So I know I could just go on forever, but, in the interest of time—so last year, April 2010, the BP [Deepwater Horizon] oil spill happened.

**Tran:** Oh, yeah.

**VanZandt:** So you'd recovered from Katrina; things were good, and then the oil spill.

**Tran:** (chuckles)

Phan: Yeah.

**VanZandt:** Who would've thought, again, another disaster?

Phan: Yeah.

**Tran:** So horrible, yeah.

**VanZandt:** So how has the oil spill—

Tran: Sau năm 2010?

Phan: Bị dầu tràn đó.

**Tran:** Cái dầu tràn thì – Không hiểu vì lý do gì – Nói đúng ra khi tụi chú làm tàu, thì nó cũng đền được cho mấy chục ngàn, thì nó tính theo cái income của mình đó. Từ đó vẫn tiếp tục đi làm vậy thôi. Mà mình không có may mắn là được đi làm dầu. Có nghĩa là nó tính theo income nó cho thôi chứ không có đi làm dầu được. Chứ mà đi làm dầu được thì chắc cũng kiếm được một mớ. Nhưng giờ sau cái vụ dầu, không biết

tôm tép sao đây, chưa thấy tôm tép gì hết. Chú đậu từ July 4<sup>th</sup>, chú đi ra hoài mà chả có tôm tép gì hết. Nhưng mà một số nói là nước ngọt, một số nói bị dầu, đó là chuyện của chính phủ, không có tôm giờ chỉ biết ở nhà thôi. Năm nay chú nghĩ là chắc không có tôm tép gì đâu. Hết rồi.

(For the oil spills, I don't understand the reason. They pay us back the money based on our income. Since then I continue working. I was not lucky enough to do oil, if I could I could earn some money. However, after oil spill, there are no more shrimps. I've been here since July fourth; I tried but failed. Some people said that it was because of the oil. But it is government business. Now, I just stay at home.)

**Phan:** He said after the oil spill, I don't think there's any shrimp out there. No shrimp. Yeah.

**VanZandt:** And you think that's because of the oil?

**Tran:** I don't know. The water and the oil. I don't know. Now, no shrimp.

**Phan:** No shrimp.

**Tran:** Yeah, no shrimp now, no shrimp. And anybody the boat, no work, yeah, no work.

**VanZandt:** So normally this time of year, would most of these boats [referring to the shrimp boats at the dock outside] be out shrimping now?

**Phan:** Yes. Lúc này là –

**Tran:** Là lúc vô mùa tôm nè. Như mấy năm chú đánh là tháng này là tháng tôm nè. (*This is the peak of the season.*)

**Phan:** Yeah. He said this is the peak of their season, normally, but if you look around here, everyone's parked; no shrimp.

**VanZandt:** Do you know most of these other fishermen who dock here? Are they your friends?

**Phan:** Chú có biết mấy người xung quanh đây không? (Do you know people around here?)

Tran: Biết chứ. (Yes.)

Phan: Yes.

**VanZandt:** So it's affected not just you, but your whole community, this whole community of fishermen.

**Phan:** Nó ảnh hưởng tất cả. (*Does it affect everything?*)

**Tran:** Uhm, cả cộng đồng Việt Nam mình bị ảnh hưởng hết.

(Yes. The whole community got affected.)

**Phan:** He said yes, the Vietnamese community has been really affected by this oil spill.

**VanZandt:** What about the difference from big boats to small boats; freezer boats, all of them? Is anybody—

**Tran:** Big boat, big boat, and the high tide. Um, là để đi trong nước sâu, ý chú nói là từ 100 feet trở vô ở trong cạn đó là không có tôm có tép. (Big boat is for deep water – 100 feet deep. For shallow water, there are no shrimps.)

**Phan:** Just 100 feet below, in the shallow water, is no shrimp. But the freezer boats, they can still go.

**VanZandt:** They're doing OK.

**Tran:** Ra sâu thì có tôm.

**Phan:** They can still go all the way out there and still get some shrimp.

**VanZandt:** So it really hurt the fishermen with the smaller boats more, who were in shallower waters. OK, we'll finish up (Ms. Phan must leave). Mr. Tran, what would you like to see happening? What do you think could be done better to help with this oil spill, and what's happened to you-all? What would you like to see happen?

**Phan:** Sau cái vụ dầu tràn, chú muốn thấy cái gì xảy ra để cho nó đỡ hơn? (So after the oil spill, what do you expect to change to make things better?)

**Tran:** Thì bây giờ, cộng đồng Việt Nam mình chỉ sống như vậy thôi. Bây giờ làm biển thì biết biển. Bây giờ không có tôm thì chỉ ở nhà như vậy thôi. Ngoài ra, có muốn đi nữa thì chú cũng không biết gì đâu. Mà muốn đi lên làm cái job bờ, nhưng không biết tiếng Anh mà làm. Ý định của chú là chú cũng muốn lên làm hàn, nhưng mà thấy laid off nhiều lại thôi. Chứ chú muốn làm thợ hàn. Ngoài ra chú đâu có biết làm gì nữa đâu.

(So our Vietnamese community just lives normally like this. Now, I just know to work with sea. Now there are no shrimps, so I just stay at home. If I want to go somewhere, I have no idea. I want to have an inland job, but I don't know English. I want to be a welder, but there are many people get laid off. So I have no idea.)

Phan: Nó có mấy chương trình về sửa máy lạnh rồi gì đó chú.

(*There is a program about mechanism—*)

**Tran:** ah, Mấy cái đó –

**Phan:** Có nhiều chương trình mà, có gì cháu sẽ liên lạc với chú sau. What he said is, "I really don't know what the solution to this is going to be. All I knew is I used to have water that I could just go out and fish and shrimp and survive off of it. But now there's just so many uncertainties. I mean, I thought about welding, but even welding, people have been laid off from that. I just don't know what else to do. I don't have the solution."

**VanZandt:** So even welders, other people have been affected too, not just fishermen.

**Tran:** Yeah, because the difficult, the work and the fishermen, no money, maybe go in the welding. I mean, the friends tell me welder lay off. Yeah, welding.

**VanZandt:** Sure, because they depend, I'm sure the fishermen use the welders, too.

**Tran:** Yeah, (inaudible) the money, (inaudible) the money. (laughter)

**VanZandt:** But you've been so lucky. And I know that things will get better. And I just thank you so much for sharing your story and allowing us to come on your boat.

Tran: (chuckles) Yeah.

**VanZandt:** It's been incredible. Is there anything you'd like to say to your children, who will hear this years from now, as we close this interview? Any advice or anything at all, words of wisdom? Because we can send this [to his family in Vietnam].

**Phan:** Chú có muốn nhắn lại gì cho mấy đứa con sau này nó nghe không? Tại mình có thể làm một cái CD cho hai đứa con mà.

(So do you want to say anything to your children? We can make CDs for your children.)

**Tran:** Nếu mà có được thì cho chú xin CD để mình làm kỷ niệm cái ngày mình phỏng vấn. Chú cũng rất muốn vậy thôi.

(If I can, I just want to keep the CD as a good memory. That's it.)

**Phan:** Tụi cháu sẽ làm hai ba cái cho chú. (We will make several CDs for you.)

**Tran:** Chú kể lại câu chuyện, mai mốt có ai nói gì thì "tui có phỏng vấn đàng hoàng nha". Tui có tên có tuổi đàng hoàng đó.

(So next time when someone ask, I will show them.)

**Phan:** Lịch sử của chú sẽ vô thư viện, sau này câu chuyện của chú qua Mỹ, được tới ngày hôm nay sẽ được lên đài có tên có tuổi đàng hoàng. (laughter) (Your story will be stored in library; your story will be broadcasted and have title.)

**Tran:** Thì đúng rồi. Ngày hôm qua chú không có biết, vô tình thấy số phone này lạ, thì chú bấm lên thấy nói bằng tiếng Anh không. Đại khái là chú không hiểu nhưng trong đây là vấn đế gì của tụi government đó, cái điện thoại này nè. Rồi chú bấm lần nữa thì gặp cháu, thì ok. Muốn phỏng vấn thì chú sẵn sàng thôi. Nãy giờ thời gian nó cũng là dài rồi, câu chuyện chú kể là từ đầu đến cuối rồi, giống như nhật ký rồi đó. Thì đó cuộc đời của chú là, cha mình chết sớm trong thời lính nè, tuổi thơ của mình, rồi khi được may mắn qua bên đảo – nói chung là cuộc đời của chú là quá may mắn. Thượng Đế cũng ban cho mình qua Mỹ này. Chứ ở Việt Nam thì cũng chết chứ làm cái gì.

(Yes. Yesterday, I saw a strange number. I had no idea who called because they spoke all in English. Then I talked with you. You said you wanted to interview me. I was so OK. My story was all about my dad's death, my childhood, and my journey to America. I was so luck to get blessed by God. I could have died if I was still in Vietnam.)

**Phan:** Giống như chú muốn nhắn câu gì để cho mấy đứa cháu sau này nó sống – (So do you have anything to say to your children?)

**Tran:** Không đâu, các con của chú thì cũng hay nói nó hoài thôi. Trong cuộc sống lúc nào cũng phải dùng bàn tay và trí óc của mình, sự cần cù để mình kiếm cái đồng tiền, tại vì trị giá của đồng tiền không phải là đơn giản đâu. Mình hay nói với con mình là mình xuất thân từ gia đình nghèo, cái nghèo đó cho mình thấy trị giá của đồng tiền, cái mồ hôi, nước mắt của mình. Mình không có làm nghề gì phạm pháp, mình chỉ cần sức lao động cần cù thì mình sẽ biết trị giá của đồng tiền. Các con và mọi người hãy lấy cái đó mà phấn đâu cho cái cuộc đời của mình lên chút xíu để cho con cháu mình lên được phần nào. Mà nói mình ở Mỹ thì mình sẽ có đủ thứ cơ hội để mà làm lên. Mà như Việt Nam lấy đâu mà làm lên? Tiền của đâu mà làm lên? Suốt cuộc đời làm công làm mướn thôi, làm sao mà khá nổi. Ở Mỹ này mình phải rất có điều kiện, chỉ cần mình cần cù bằng sức của mình là mình làm lên , để cho con cháu mình sau này nó được thoải mái hơn. Sống trên đất Mỹ này hiểu biết nhiều hơn. Lời nói của chú cuối cùng chỉ có nhiều đó thôi.

(Not really because I tell them all the time. I told them that we should use hands and brains to earn money because the value of money is not simple. We are from poor family. We should understand the value of money, and we should not do illegal things. We can have many chances in America. America will be better for them.)

**Phan:** So a few words that he wants to leave to his children and his grandchildren is you have a pair of hands that God gave you, and a brain, so use it wisely. Nothing's given to you, but you have these hands, so you need to work hard with it. And if you are in America, it's a land of opportunity. You don't always have to work for other people. You can actually build yourself up and be your own business owner, and you can have a better life. There's so many opportunities here in America.

VanZandt: Thank you so much, Mr. Tran.

Tran: Yeah.

VanZandt: We appreciate it. They'll enjoy hearing your voice.

**Tran:** (shy chuckle) Chú cũng rất cảm ơn cuộc phỏng vấn này. Thật ra thì chú cũng không được may mắn như mọi người khác. Người ta có gia đình mà chú chỉ có một mình nên luôn nhắc nhở bản thân mình lúc nào cũng phải cần cù, và trị giá của đồng tiền. Đồng tiền không thể phi pháp được. Mà biển giả không có thì phải chịu thôi. Mà làm ra câu chuyện làm hay hay, đừng ghi xấu xấu nhiều thôi. (laughter) (Thank you so much for interviewing. Because I don't have family besides me, so I always tell me that I should be focused and work harder. Money should not be illegal. Please make it good story.)

(end of interview)